

THÀNH DUY THỨC LUẬN LIỄU NGHĨA ĐĂNG

QUYỂN 2 (PHẦN CUỐI)

Nói chẳng phải tướng thức thô duyên tướng cảnh tế, Yếu Tập ghi: Có thuyết nói ông duyên theo thức của cái bình tướng thô tức là duyên theo thức của tướng vi tế, nếu thừa nhận như vậy, lượng nói rằng: Ông duyên theo thức của sắc, cũng sẽ duyên theo âm thanh, thừa nhận pháp tướng vi đặc được câu duyên, như cảnh của thô tế, trong lượng này dụ là lỗi sở lập chẳng thành. Duyên theo tâm thô tế chẳng duyên theo âm thanh v.v... nên không thành dụ, cảnh của thô tế kia chẳng phải âm thanh v.v... Đây phá không như vậy, nêu lượng không nương theo Sở đã nói. Sở lượng rằng: Cảnh trong thanh v.v... khác của ông duyên theo thức của sắc cảnh khác lẽ ra cũng được duyên, thừa nhận pháp tướng vi đều được câu duyên. Lượng này cho âm thanh khác v.v... cảnh là hữu pháp, duyên theo tâm của cảnh sắc khác là pháp, sắc cảnh chẳng phải pháp, hữu pháp. Nêu cảnh nhận lấy tâm, duyên theo tâm của sắc là trái với tâm duyên theo âm thanh, tướng vi này tâm lẽ ra cũng được duyên, chính là pháp, thừa nhận tướng vi pháp đặc được câu duyên nên nhân như dụ thô tế, có hai lập nên được thành tựu tỷ lượng. Chớ cho rằng thức của cảnh khác duyên với cảnh khác. Tây Minh nói: “Chớ tức là dừng, dừng tức là duyên thô, cũng duyên theo cảnh của tế, vì có lỗi tạp loạn”. Nếu không thừa nhận duyên theo cảnh tướng viên tế, vốn viên tế tương ứng chẳng phải năm cảnh. Nếu cho rằng trái với tông, một thức sẽ duyên theo tất cả cảnh, nếu duyên theo thức thô cũng duyên theo tướng thô, duyên theo màu xanh v.v... tâm sở duyên theo âm thanh v.v... tức là nhân thức v.v... đồng duyên theo mười tám giới. Yếu Tập ghi: Có thuyết sau lượng, có giải thích hai lượng, đều có lỗi, do đây có giải thích chỉ lấy lý phá, chẳng phải lập ra lượng phá. Đây cũng không như vậy, lập ra lượng phá kia lỗi gì không đặc? Và lại lập ra lượng rằng: Âm thanh

cảnh của ông lẽ ra là thức tướng vi khác duyên, thừa nhận pháp tướng vi đắc được câu duyên, như cảnh của thô tế, âm thanh này cũng có thô tế, thức tướng vi được duyên, nhân có ba tướng.

Giải thích Sở duyên duyên, luận Du-già quyển 72 lại có hai tướng khác: một là tướng bản tánh, hai là tướng ảnh tượng. Tướng bản tánh là gì? Nghĩa là trước phân biệt sinh và tướng sở sinh cũng được thành tướng. Tướng ảnh tượng là gì? Nghĩa là biến kế sở khởi, thắng giải sở hiện, chẳng trụ ở bản tánh.

Yếu Tập ghi: “Cộng sở thành là dụng của tăng thượng duyên, nghĩa là sức hay huân tập kiến phần”. Tướng phân hay huân tập chủng tử của Lại-da, kiến phần, tướng phân, chẳng phải như Dị thực tâm, tâm v.v... vì không thể huân tập. Tướng cũng không huân tập, nên nói trước phân biệt v.v... Nay giải thích, tướng mà quyển 72 kia nói chẳng phải chỉ có sắc tướng, nếu gọi là sở thuyên chung gọi là tướng, như hai thức trước cũng gọi là tướng bản tánh, đều làm Thức thứ sáu, duyên là chất. Trước phân biệt sở sinh tức là chủng tử của bản hữu, và tướng sở sinh và chủng tử mới huân tập cùng sinh ra bản chất. Nói rằng cùng được thành tướng, nếu không như vậy, bản chất căn cứ theo hiện hành mà nói, sau chủng tử sinh ra hiện hành kiến phần diệt từ lâu, vì sao được nói cùng được thành tướng, cũng không thể nói căn cứ theo tăng thượng mà nói? Luận nói trước phân biệt sở sinh và tướng sở sinh, nếu căn cứ theo tăng thượng nên nói rằng trước phân biệt và tướng sở sinh chính là hợp nghĩa, đã đều nói sinh, nói đều là chủng tử khác nhau.

Có thuyết nói Luận sư của Du-già tức là Y sĩ thích, sư có Du-già sư tức là Hữu tài thích, đây cũng là Y chủ mà chẳng phải Hữu tài, như phân biệt trước.

Yếu Tập ghi: “Tâm, cảnh tương ứng” nghĩa vả lại khó rõ. Nếu nói rằng tâm khởi nhất định nương gá vào cảnh; tâm thú hưởng cảnh này, cảnh thuận theo tâm kia nên gọi là tương ứng. Cảnh lẽ ra đều thông với ba tánh, định tâm, tán tâm, nếu nói tùy theo tâm sở lạc, cảnh đó nhất định hiện hành, đối với tự tại kia gọi là tương ứng, vì giả tướng tuệ phân tích tụ sắc, tuy giải thích vi mà không hiện vi, làm sao được gọi là Luận sư Du-già? Nếu nói tâm tức là không trái với cảnh giới, tự tánh các pháp nên gọi là tương ứng, đối với bản tụ sắc trước không có cực vi, làm ra giải thích cực, làm sao nói phá hoại được pháp tướng? Yếu Tập tự giải thích: Cảnh giới quán tâm cảnh sở duyên không chướng ngại quán tâm, khiến cho quán tâm kia các thứ hành giải, hoặc màu xanh, vàng v.v... cực vi v.v... tướng được tự tại chuyển, cho nên gọi là tâm

cảnh tương ứng, chẳng phải cho rằng cảnh tương tùy theo tâm hiện nên gọi là tương ứng. Đây cũng không như vậy, hoa đốm trong hư không tuy không có, cũng không chướng ngại tâm làm ra cái hiểu hoa đốm trong hư không. Như bệnh tổn hại nhãn chẳng phải màu vàng thấy cảnh của màu vàng, biến kế ngã v.v... đều không chướng ngại tâm, tâm tà vọng giải sinh đâu được gọi là tâm cảnh tương ứng. Nên biết nói là tương ứng, tâm xứng với cảnh biết gọi là tương ứng, tương phù thuận nghĩa, tụ tuy không có vi, vì gá vào Thánh giáo, giả tương quán nói thuận nhập vào vô ngã, vô ngã lý cảnh và tên gọi giáo cảnh tương ứng với tâm. Đây là giải thích hay, nên kiểm xét luận Du-già giải thích, luận Hiển Dương quyển 20 nói rõ.

Du-già sao hỏi: Đối với sắc tướng thô, lúc dần dần trừ phân tích biến đổi cực vi, vì sao không riêng huân tập thành chủng tử?

Đáp: Vì không có bản chất.

Hỏi: Nếu như vậy danh ngôn huân tập và duyên theo cảnh đã qua, lúc huân tập thành chủng tử, đâu có chất ư?

Đáp: Như danh ngôn hưởng thượng và duyên theo cảnh đã qua, vì hiện hành sẽ có cảnh kia có thể sinh, tức là huân tập thành chủng tử. Hoa đốm trong hư không chẳng có tuy duyên không thể riêng huân tập thành chủng tử, cực vi cũng như vậy vốn không phải chất kia, nên không phải riêng huân tập.

Hỏi: Hoa đốm trong hư không chất có thể không huân tập chủng tử, cực vi gá vào sắc vì sao không phải chủng tử sinh?

Đáp: Tuy đối với sắc tướng, như chấp vào ngã v.v... nên không thành chủng tử, không như chấp kia, quán cực vi chẳng chấp, vì sao lại so sánh?

Đáp: Tuy chẳng phải chấp tâm, không có chất nghĩa v.v... nên có thể so sánh. Nếu theo Pháp sư Tây Minh tức là thừa nhận thành chủng tử, như trước nói về lỗi.

Luận phá Chánh Lượng bộ ghi: Pháp Hữu vi diệt không đợi nhân.

Hỏi: Vì sao biết tướng diệt của Đại thừa không đợi nhân?

Đáp: Luận Đại Trang Nghiêm ghi: Lại như nấu nước đến cực ít thì sau đó nước không sinh, cũng chẳng phải lửa hợp với nước mới không có tự thể. Lượng rằng: Thừa nhận là diệt, như Vô vi diệt, chuẩn theo đây tợ như đem hữu pháp làm nhân, hữu pháp làm nhân tức là không có hữu pháp; lẽ ra là lỗi sở y chẳng thành. Giải rằng: Diệt có nhiều diệt, nhận lấy Hữu vi động diệt là tông, vì diệt khác là nhân, tùy nhận lấy ít

phần, nên cũng không lỗi.

Hỏi: Vô vi diệt có thể đồng với Hữu vi không?

Đáp: Chỉ tổng nói thừa nhận diệt này, không cần chia riêng thể diệt tướng diệt, Vô vi đã không đợi nhân, Hữu vi cũng sẽ không đợi nhân nên nhân không được phân biệt. Lại như âm thanh vô thường tức là diệt, nhưng nói vô thường, không chỉ nói rõ diệt tướng. Luận Hiển Dương 14 ghi: “Tánh vô thường nghĩa là ba tướng Hữu vi cùng tương ứng, một sinh tướng, hai diệt tướng, ba trụ dị tướng, ba tướng gọi chung là vô thường, nói sinh lại làm nhân tánh, diệt này cũng như vậy. Yếu Tập ghi: “Có Sao lượng rằng, Pháp Hữu vi diệt nên không đợi nhân, vì gọi là diệt giống như Trạch diệt. Có thuyết lượng rằng: Diệt của ông diệt lẽ ra không đợi nhân, vì thừa nhận là diệt, như Vô vi diệt. Yếu Tập ghi: “Lượng của Luận sư này dụ có lỗi sở lập chẳng thành”, tức là ba Vô vi tuy không phải sinh diệt, đợi nhân hiển bày, đều gọi là đợi nhân, trong tông lẽ ra nói rằng: Không đợi diệt nhân, diệt nó.

Đây cũng không như vậy, thể Vô vi diệt không đợi nhân hiển bày mới gọi là diệt, tánh là diệt nên gọi nó là diệt. Nên nói lẽ ra không đợi nhân nên dụ được thành tự, chẳng phải không có sở lập.

Luận: Chẳng hiển bày hương vị, lượng rằng: Sắc và hương, vị mà ông hiển bày lẽ ra chẳng phải là biểu vì chỉ có Vô ký, như đất, nước, lửa tuy tự tông có hương, vị thông với biểu nhưng là giả biểu, không thông với thiện ác, ý là phá được thật biểu nghiệp sắc khác lại là thiện ác, vì kia tự thừa nhận hương, vị, xúc ba loại chỉ Vô ký. Lại chuẩn theo luận số nên nói rằng: Biểu sắc này của ông cũng chẳng phải là hiển và cùng với hương, vị, không phải biểu thị nên như xúc, là vì họ thừa nhận.

Luận: Một sát-na âm thanh không có thuyên biểu, luận Tát-bà nói biểu này là thật, nay lại hỏi: Âm thanh của ông sinh ra tên gọi v.v... là một sát-na ban đầu âm thanh sinh ra tên gọi là thật thuyên biểu hay một sát-na sau âm thanh sinh ra tên gọi mới thật có thuyên biểu? Nếu ban đầu có thể sinh, sau thì không có dụng, nếu sau có thể sinh, tức là lượng rằng: Âm thanh một sát-na sau của ông, trừ Phật tâm, lẽ ra không thể thuyên biểu, vì là âm thanh, như thật tánh của một sát-na ban đầu, nếu nói tương tục, tức là như sau phá. Do bản kế kia trừ Phật, âm thanh của một sát-na không phải là năng thuyên, nên luận Bà-sa quyển 15 ghi: “Thanh văn nhiều sát-na âm thanh có thể nói một chữ, Phật âm thanh một sát-na hay nói một chữ; âm thanh trong một chữ vẫn chưa có danh cú tụ tập, nên không thể thuyên”.

Hỏi: Vì sao trong sắc chỉ lập riêng biểu sắc, trong thanh vì sao

không lập ra biểu thanh?

Đáp: Sắc pháp hiển hiện chỉ lập ra biểu, tướng của thanh khó biết, nên không phải lập riêng, vuông, tròn, dài, ngắn theo đó cũng có thể biết. Lại giải thích hình trong sắc, sắc có chẳng phải biểu, ở trong sắc, chỉ lập ra biểu; tình và danh trong thanh nhất định là biểu, vì không có phi biểu nên không lập riêng.

Hỏi: Thân biểu sắc nương theo thân, từ sở y kia gọi là thân biểu, ngữ biểu cũng nương theo thân, từ nương theo danh gọi là thân biểu?

Đáp: Hình sắc không lìa thân, tùy theo sở y kia gọi là thân biểu, tánh của thanh phát ra lìa chất xa, nên chẳng phải thân biểu.

Lại giải thích thân biểu ở ban đầu, từ nương theo danh thân biểu, ngữ biểu sau sẽ nói, vì sợ rằng lẫn lộn với phi thân biểu.

Luận: Nhưng nương tựa tư nguyện thiện ác phần hạn, phần dưới nêu chánh nghĩa, chia làm ba: Sơ đạo, định câu luật, bất luật nghi là câu chung trong xứ. Câu riêng là Phật thân vô biểu. Kế đó đoạn từ “gọi đây hoặc y” là giải thích khác, câu riêng trong xứ. “Hoặc nương định” trở xuống là câu riêng của định, đạo. Vì Phật không có tăng trưởng, trừ Phật còn lại giải thích khác v.v... tăng trưởng, định đạo nương theo hiện hành.

Hỏi: Sắc của vô biểu nương theo chủng tử của biểu lập ra, biểu có nhiều niệm nương theo niệm nào mà lập ra?

Đáp: Đối với sát-na ban đầu đang phát ra tư của thân, ngữ, hoặc đồng thời phát ra, hoặc trước sau phát ra, đồng thời cùng một loại, trước sau là loại riêng, đều ở trên ban đầu lập ra, sát-na thứ hai đã qua, chẳng phải nhân khởi, chỉ gọi là sát-na khởi, vì chẳng phải căn bản.

Hỏi: Trong định thừa nhận khởi hai nghiệp thân, ngữ, biểu nương theo đâu lập ra? Nếu động phát tư tức là định của hiện tại, là định đều vô biểu?

Đáp: Đã là giả lập thông với hai nghiệp ngại gì, nhưng luận Tát-bà-đa tùy tâm chuyển là đạo, định hai giới, có tâm tức là có, không tâm tức là không xả bỏ định này nhận lấy định khác tức là xả bỏ vô biểu này, được vô biểu kia, đạo cũng đồng như vậy, đều chỉ có thật sắc, gọi là vô biểu, không nhận lấy định, đạo, hai loại tương ứng tư. Lại định chỉ có Hữu lậu, Vô lậu tức gọi là đạo. Luận sư Đại thừa tùy chuyển nghĩa đồng, nhưng lập có khác, nương theo định, đạo đều hiện hành tự lập ra, định thông với Vô lậu, tuy là một tư, nhưng nghĩa mong có khác. Luận Tát-bà-đa tám giới phải từ cái khác mới đầy đủ chi, chỉ một ngày đêm, Đại thừa đều thông, theo hay không theo sư, đầy đủ hay không đầy đủ,

một ngày nhiều ngày, cũng đều không trái, vì nương theo tư nguyện phần hạn lập ra. Phật tùy chuyển môn, vả lại nói một ngày đêm, khiến cho dễ học. Đại thừa năm giới mười thiện, cũng thừa nhận một thời gian ngắn thiếu chi mà thọ, chỉ chúng xuất gia nương theo sư đầy đủ chi, thọ hết mới đắc, nhưng thiếu chi đều căn cứ trước khi nói Tam quy có mong cầu riêng, nên được thiếu giới. Nếu ba tụ mười vô tận v.v... bèn nương theo lời hỏi của ngài Văn Thù trong kinh Bát-nhã, thọ mười giới tức là đồng với mười giới của Sa-di, nhưng cùng tận đến vị lai thọ, lại đắc giới này có bốn phân biệt:

1. Hữu tâm đắc, nghĩa là phát ra thiện tâm tăng thượng mong cầu.
2. Hữu tâm bất đắc, nghĩa là không phát khởi cầu nguyện, nếu khởi mong cầu thọ biệt thoát giới của chúng xuất gia chỉ thời gian ngắn phần hạn thiếu chi ý nguyện đều không đắc giới.
3. Vô tận đắc, nghĩa là Na-hàm Sa-di khởi tâm cầu giới, tác bạch rồi sau liền nhập vào vô tâm định, lúc vô tâm này tác pháp Yết-ma xong, mong cầu đầy đủ nên cũng được đầy đủ giới.
4. Vô tâm bất đắc, nghĩa là không có tâm mong cầu, tức vị vô tâm khác.

Hỏi: Biệt thoát, vô biểu nương theo động chủng tử tư trên lập ra, như nhập vào Kiến đạo đắc được biệt thoát giới, đã không phải thân, ngữ, nương theo tư nào lập ra?

Đáp: Nhập vào Kiến đạo trước có tâm mong cầu, vận động phát khởi thân, ngữ, sau nhập vào Kiến đạo nương theo chủng tử nào lập ra, không như vậy tức không có.

Hỏi: Định, đạo vô biểu nương theo thắm, quyết tư; lúc khởi thân, ngữ, nương theo tư nào trên lập ra thân nghiệp nói nghiệp?

Đáp: Nếu ở định khác khởi thân, ngữ, tức là thông với quả, cũng là định trước gia hạnh có tâm mong cầu, muốn khởi thân, ngữ, nương theo định dẫn chung, tuy không ở rải rác, không phải chính ở định, cũng động phát tư khởi nơi thân, ngữ.

Hỏi: Lúc khởi gia hạnh chỉ có thắm, quyết tư; chưa khởi phát động, làm sao nương theo vị?

Đáp: Căn cứ theo thật định trong khởi động phát tư, như từ Địa thứ tám trở lên thường ở định tâm, tức là nghĩa nói nó không đồng với tán vị.

Trong ý nghiệp, mười thiện mười ác phát ra vô biểu chẳng? Biệt chương có hai giải thích, nhưng Yếu Tập ghi: “Có thuyết nói Tam Tạng

giải thích: quyển 53 chỉ căn cứ hiện hành, nói ý biểu nghiệp, chuẩn theo đây vô biểu nương theo chủng tử lập ra”. Nay tìm kiếm ý của Tam Tạng, thân ngữ biểu thị cái khác nên gọi là biểu nghiệp. Chủng tử cử tử không phải biểu thị, cho nên nói vô biểu. Ý nghiệp chỉ tự biểu, nên được nói là biểu, chủng tử không biểu hiện tự, nên cũng gọi là vô biểu. Pháp Uyển quyển 2 ghi: “Một là phát ra vô biểu, hai là không phát ra”. Loại thứ hai là đúng. Ý của Tam Tạng giữ lại giải thích trước. Đây nói không đúng, hai thuyết của Pháp Uyển cho rằng nhờ vào ý là dụng, không đoạn được nghĩa nói sau là quyết định. Nay ý chuẩn theo định phát ra vô biểu, đã Bồ-tát giới đầy đủ ngăn ngại ba nghiệp, thù thắng đối với Nhị thừa, tận đến bờ vị lai, vì sao không phát ra vô biểu thù thắng? Hai thuyết trước căn cứ theo xứ mà nói, chẳng theo luật nghi. Lại Yếu Tập ghi: “Lại năng khởi luật nghi thể chẳng phải luật nghi, do sinh luật nghi, từ quả làm danh thuyết gọi là luật nghi, nên không có vô biểu, chỗ nào trái nhau? Nên nay lấy không phát khởi vô biểu. Nay cho là không đúng, đã lấy không phát khởi, vì sao nói năng khởi luật nghi thể chẳng phải luật nghi? Nếu đặt ra rằng năng khởi thân, ngữ luật nghi chẳng phải ý luật nghi, mong Nhị thừa ý không phải luật nghi, căn cứ theo Đại thừa mà nói, mười thiện giới v.v... cũng là luật nghi, vì sao nói thể chẳng phải luật nghi? Từ quả làm tên nên không có vô biểu, vì vậy không thể làm được.

Yếu Tập hỏi: Định, đạo, ý vô biểu nương theo pháp nào lập ra?

Giải thích rằng: Biểu nương theo tư hiện hành, vô biểu nương theo chủng tánh, nên đầy đủ hai loại, không đồng với định đạo, thân, ngữ, vô biểu.

Hỏi: Nếu như vậy nêu ra định tâm sau đã có chủng tử nên lập ra vô biểu?

Đáp: Không như vậy, là tùy tâm giới nêu dụng của định vi tế nên không lập ra vô biểu, hoặc ở nơi tư một hiện hành có biểu vô biểu, đối với lý không trái. Nay cho rằng định, đạo ý đều vô biểu, quyết định lấy hiện hành, không thể gọi là Hoặc, tức là định đạo giới là tùy tâm, chủng tử thì có tâm thì không, vì chẳng phải tùy tâm.

Nhưng nương theo tư nguyện thiện ác, phần hạn v.v... Tây Minh nói nguyện tuy có nhiều nhưng ở trong đây nói tư là nguyện. Định, đạo hai giới là tư chẳng phải nguyện, biệt giải thoát giới vừa tư vừa nguyện, là nhiếp được định vị và tán vị vô biểu, nên nói là tư nguyện. Đây cũng bất định, vì sao biết nguyện này chỉ có tư, chẳng nương theo dục, thắng giải? Do có ít dục mới khởi tâm mong cầu, nói nguyện chỉ tư, tức là

quá hạn hẹp. Yếu Tập ghi: “Tán tâm vô biểu có cần mong cầu”, nói nương theo tứ nguyện, định, đạo vô biểu không phải mong cầu nên chỉ tứ chẳng phải nguyện. Nhưng có thuyết cho rằng nguyện là hiển bày thành tựu tướng của vô biểu, đây nói ít hạn hẹp không thông với định, đạo. Nay cho rằng không lỗi là nói chung, ý hiển bày biệt thoát cùng với định, đạo khác nhau, tùy phần hạn của nguyện, nếu không như vậy nương theo chủng tử, chủng tử hiện hữu làm sao duyên giới xả bỏ? Lại các lời nguyện đều không thông với định, đạo, nay nói nguyện này hiển bày thành tựu tán vô biểu, vì sao chỉ nói hạn hẹp? Tây Minh giải thích vô biểu nói rằng: Ở bảy loại trên giả lập ra bảy chi, vì nó chỉ dụng có bảy loại.

Hỏi: Nếu như vậy, khi nhãn thức duyên theo màu xanh v.v... thì lẽ ra thành nhiều loại, thừa nhận cũng không lỗi. Như chánh thể, hậu đắc thể là tuệ huân tập thành hai. Nay chưa rõ, đã một hiện hành vì sao chủng loại có hai, nếu công đức khác, hậu đắc kiến phần công năng vô lượng, tự chứng phần thứ tư đều lẽ ra chủng loại khác nhau. Công năng khác nhau nên chủng loại sẽ càng nhiều, vì sao chỉ nói hai loại? Lại nếu huân tập nhiều, sau sinh ra một hiện hành và sinh ra nhiều nếu sinh ra nhiều hiện hành, tức là nhiều tâm đều khởi. Nếu trước sau sinh chẳng ứng hợp với lý, nếu cùng sinh ra một, đã hay huân tập thể một sở sinh cũng một vì sao tùy theo kiến phần huân tập thành nhiều chủng tử? Tùy theo thể thành một lý lẽ ra phải lâu dài.

Pháp sư Từ Ân lập ra tán vô biểu. Vả lại như Bí sô luật nghi, ở lúc nào đắc, nương theo chủng tử nào lập ra? Khi Yết-ma thứ ba xong, tùy theo năng thọ, hữu tâm, vô tâm hoặc ba tánh tâm, đều thừa nhận được thành tựu biệt thoát vô biểu, vì nương theo phát ra hai nghiệp thân, ngữ, tâm mong cầu thọ tứ được huân tập thành chủng tử, làm giới sở y, chánh phát ra thân ngữ. Tư của động phát, chẳng phải lúc Yết-ma thứ ba khởi, đây chỉ trước lúc sư trước im lặng, vì tâm mong cầu kia, nay thời được thích ứng, ở trên chủng tử, công năng tăng gấp đôi gọi là đắc vô biểu. Tuy có nhiều cách giải, Sơ tự phán phân nhận lấy dụng tăng trưởng chẳng phải thể, nhưng Pháp sư Bạch Mã lập ra năm lỗi:

1. Hiện hành không thành.
2. Không huân tập chủng tử tăng.
3. Phật quả tăng giảm.
4. Trái hại tự giáo.
5. Trợ giúp dị tông.

Rộng như Sơ thuật. Pháp sư vận dụng truyền trí nơi biển khổ, khai

mở mặt trời trí tuệ nhật ở cõi nước tối tăm, chỉ thẳng con đường trước của diêu thật, diễn bày lời sau trong minh châu, nêu hết năm lỗi, bày phen giảng bày, dẫn hạt châu trí cho người học, mở con mắt pháp cho lớp sau, bèn duyên theo nghĩa này, giác giải liền sinh, lại từng vì những người học cạn nương theo luận này, pháp trở về phân biệt, thật cao quý đẽo mài, nên nương theo năm lỗi lược làm mười lỗi. Tuy biết lửa của bó đuốc không xoay vẫn nơi ánh sáng mặt trời soi sáng, cơ mầu hiển lộ há nín được gió mát? Nhưng Diêu cao phát nguồn từ một vi, biển lớn đầy tràn từ nhiều giọt, nên chớ khinh thường kẻ học cạn mà hãy khen hiểu biết vượt trội của hậu sinh, liền nhờ vào nghiên cứu sâu của pháp hiểm có, tổ thuật lại khoa này vậy. Những đúng sai khác thì không bàn đến, riêng mười lỗi ấy gồm có những gì? Một là không biết tà chánh, hai là hiện dụng không tăng, ba là vọng cho chủng tăng, bốn là Phật lẽ ra không có giới, năm là vọng cho là trái với giáo, sáu là giả thật không rạch ròi, bảy là trái giáo hiện hành, tám là vọng cho là trợ bạn khác nhau, chín là cho rằng tông lẽ ra đồng dị, mười là chủng tử phòng lỗi lầm.

1. Lỗi không biết tà chánh: là nói thể của chủng tử tăng, giả làm giải thích này, phần Tự đoạn trong Sơ ghi: Định, đạo, vô biểu đã không phải thể tăng, biệt thoát vô biểu so sánh lẽ ra cũng vậy, nên đoạn lấy công năng tăng gấp đôi kia làm chánh nghĩa. Nay lại trọng phá, phá rồi phá lỗi, nếu cho là chánh không rõ được bản giải, nghĩa là lấy bất chánh làm chánh, tức là không biết tà chánh.

2. Lỗi hiện hành dụng không tăng, nói rằng: một là nêu lỗi hiện hành không thành, định, đạo đều là tư cũng gọi là vô biểu, chỉ có niệm niệm hay ngăn ngừa, không riêng tăng gấp đôi thể dụng, nhưng được thành tựu vô biểu luật nghi, thể không phải tăng gấp đôi, tự tha cùng thừa nhận, không thừa nhận định, đạo niệm niệm dụng tăng thì hậu định, đạo không thể đoạn được hậu hậu phần hoặc, vì định đạo này công dụng không tăng đồng với định đạo trước, không thể đoạn được hậu hậu phẩm hoặc. Nếu thừa nhận có thể đoạn được trái với lỗi tỷ lượng, hậu hậu định, đạo sẽ không phục trừ được đoạn hậu hậu phẩm hoặc, vì không phải công năng thù thắng, vì công năng v.v... như định, đạo trước đầy đủ có văn làm chứng, nhiều không thể dẫn, dưới đều chuẩn theo mà biết.

3. Lỗi vọng cho rằng chủng tử tăng, nói rằng không có lỗi chủng tử huân tập tăng. Đối với Đại thừa đây tất cả chủng tử bất luận mới cũ đều nhờ vào huân tập phát ra, cho đến không do huân tập phát ra, thể dụng của chủng tử tăng rộng gấp đôi, nếu không huân tập tăng gấp đôi là trái

với lý này, chính là giải thích tăng không lấy thể tăng, vọng đồng với lỗi trước, nếu luận về công năng thể của vô biểu tăng, không do huân tập, chỉ do tác pháp, tác pháp sự rõ ràng, sự tương ứng vốn cầu mong kỳ hạn, phát ra thân, ngữ, tư được huân tập thành chủng tử, nên thành tựu vô biểu, công năng tăng gấp đôi, nên Di-lặc Sở Vấn kinh luận quyển 3 ghi: “Như thí chủ bố thí vật, nương theo sức công năng thọ dụng, tuy thí chủ hai lòng nhưng nương theo bản tâm niệm tu tương tục thể nhỏ nhiệm chuyển thù thắng, vì chuyển thù thắng ở đời vị lai, mà được thành tựu quả nhiều phước điền” cho đến nói “Ta nương theo tâm, thân nghiệp, khẩu nghiệp, có công đức thiện ác, nương theo bản tâm tạo tác, không mất bản tâm”. Có tự thể của tương tục, điền cuồng, ngủ nghỉ v.v... thường được tăng trưởng, đã nói điền cuồng, ngủ nghỉ v.v... thường được tăng trưởng, há có hay huân tập mới tăng trưởng chăng!

4. Lỗi Phật lẽ ra không có giới, nói lỗi quả Phật tăng giảm, vì nếu bảy chi niệm niệm tăng gấp đôi, tức là từ lâu thành Phật giới thì tăng thêm nhiều, sau thành Phật thì giới giảm ít, làm sao gọi là Đăng giác? Nếu thừa nhận nhân tăng quả không tăng thì tiểu quả thứ tư lẽ ra cũng không tăng, vì tự vị cứu cánh, nghĩa này không đúng. Phật quả có thể không tăng, tiểu quả có hơn kém, nếu chấp vào địa vị tiểu quả thứ tư, đầy đủ đức không tăng thì không nên chia ra tuệ câu thoát v.v... Lại cho nhân lệ thuộc quả tăng quả lệ thuộc nhân không tăng, đầy đủ cùng với không đầy đủ khác nhau, vì sao được hỗ tương lệ thuộc? Nếu thấy nhân vị tăng mới gọi là biệt thoát giới, vặn hỏi quả vị không tăng, Phật lẽ ra không có giới thì sẽ do hiện hành huân tập tăng, mới được căn bản, quả vị Phật không có huân tập lại không có gia hạnh thì lẽ ra phước tiện căn bản đều không có, nên giải thích tăng gấp đôi. Căn cứ theo nhân vị mà nói, đặc giới nhiều loại, rộng như biện luận khác.

5. Lỗi vọng cho trái với giáo: nói trái với tự giáo là giáo môn của Đại thừa, phải do hiện hành huân tập phát ra, mới huân tập chủng tử thế lực mạnh mẽ quyết định cảm được quả, gọi là tăng trưởng, cho đến nói rằng, nay lập ra chủng tử không do huân tập phát ra, niệm niệm tăng gấp đôi, đâu không trái với các giáo của Đại thừa? Đây không ứng hợp với lý, không nói thể của chủng tử, niệm niệm tăng, để làm chánh nghĩa, đây giả nêu giải thích. Như trước đã nói, nếu công năng của giới đều do huân tập tăng, quyết định cảm được quả, tức là xả giới rồi sẽ không cảm được quả, vì xả công năng; nếu công năng không xả thì mạng chung v.v... do thành tựu luật nghi, không gọi là xả giới, vì có công năng, nên do động phát ra mong cầu, hiện hành tư huân tập thành

chúng tử, đó tác bạch v.v... xong, chúng tử trên do sức mong cầu, ngăn ngại ngăn ngừa các ác, công năng vô biểu, bội tăng gấp đôi, do đây khiến cho tư có cảm được quả dụng, công năng quyết định, chẳng phải ngay nói vô biểu giả có thể cảm được quả. Nên dưới luận nói rằng: Giả pháp như vô chẳng phải nhân duyên, nếu xả giới rồi, nhân tuần hoàn trụ như cũ, thế lực héo hết, vì mong cầu hết. Nhưng quyển 54 ghi: “Do bất luật nghi tư thường thường hiện hành, cho nên chẳng phải phước vận vận tăng” là nói nghiệp đạo, vì ban đầu phải mong cầu chỉ được bất luật vô biểu, chưa thành tựu nghiệp đạo, lại biệt thoát vô biểu do thọ phát ra, tác pháp xong đắc, bất luật chẳng thọ, phải tác pháp mới đắc, nên nói bất luật nghi tư thường thường hiện hành, chẳng phải phước tăng trưởng, luật, bất luật khác nhau. Lại có giải thích riêng, như chương biểu vô biểu của Đại sư biện giải. Luận Thành Nghiệp ghi: “Do tự sai biệt, được huân tập thành chúng tử”, nghĩa là từ đây về sau không tạo tác nhân sinh, không tạo tác nhân sinh tức là công năng, giả sử nói chúng tử khác, vì giả từ thật, nên không trái nhau.

6. Lỗi giả thật không rạch ròi, vì dẫn luận Tạp Tập quyển 7 ghi: Sau hai tư hoặc tác hoặc tăng nhất định thọ Dị thực, là nói nghiệp đạo, chúng tử thật cảm được công năng của Dị thực, chẳng phải vô biểu sắc, nếu công năng của nghiệp cùng với vô biểu không khác nhau, vô biểu như nghiệp, lẽ ra thuộc về hành uẩn, nhiếp xứ đã khác nhau, nói rõ giả thật khác nhau, nay dẫn công năng của thật, vặn hỏi công năng của giả, tức là lỗi giả thật không rạch ròi.

7. Lỗi trái với giáo hiện hành, nói người thọ giới ở trước đại chúng phát ra thân, khẩu, tâm cầu giới đã xong, cho đến Yết-ma lần thứ ba chưa xong. Niệm niệm khởi tâm, thường được huân tập chúng tử thành phương tiện giới, cho đến lúc Yết-ma lần thứ ba xong, tâm thức năng duyên nếu khởi hiện tiền, liền lập tức huân tập chúng tử thành căn bản giới, luận không nên nói hoặc nương tựa phát khởi thân, ngữ thù thắng, chúng tử của tư tăng trưởng vị lập ra, vì lễ sư cầu thọ có động thắng tư phải kỳ vọng phần hạn được huân tập thành chúng tử, tác pháp xong rồi vô biểu bèn sinh. Nói ban đầu chỉ phương tiện, Yết-ma lần thứ ba xong được huân tập chúng tử trên lập ra căn bản luật nghi vô biểu, bấy giờ chỉ khởi duyên tâm, không phát ra thân ngữ, nương theo chúng tử này lập ra cùng với luận trái nhau, nên làm không thể được. Nhưng căn cứ theo nghiệp đạo phương tiện căn bản và do sau khởi, từ tác bạch lần thứ ba cho đến Yết-ma xong, thành tựu căn bản nghiệp đạo và vô tác giới, trở về sau tức là gọi quyển thuộc của ba nghiệp, chẳng phải biệt thoát

giới. Tuy lúc biệt thoát giới lần thứ ba Yết-ma xong, ban đầu đều sau cũng gọi là giới, chẳng phải ở lúc sau không gọi là giới, chỉ gọi là sau khởi giống như nghiệp đạo.

8. Lỗi vọng cho trợ bạn khác nhau, nói rằng ở tông khác v.v... niệm ban đầu chỉ có một đầy đủ bảy chi, đến niệm thứ hai liền sinh ra bảy chi, cho đến nói rằng hoặc thể hoặc dụng cũng khiến cho niệm niệm bảy chi tăng gấp đôi, liền trái với tự huân tập phụ giúp cho tà tông. Đây cũng không cho như vậy, vốn không huân tập chủng tử, do có công năng vẫn còn giả thật khác nhau, không trợ bạn với lỗi kia, hướng gì trước huân tập thành chủng tử cho đến Yết-ma xong, nhân duyên pháp đầy đủ công năng mới khởi, nương theo chủng tử của tư lập ra, đâu đồng với kia. Không chướng ngại sau huân tập tăng trưởng, nhưng không thừa nhận Yết-ma xong lúc ý nghiệp chủng tử của tư lập ra căn bản vô biểu.

9. Lỗi lẽ ra đồng với tông khác, vì lập ra chủng tử, lúc duyên đầy đủ, công năng tăng gấp đôi, tức là lỗi trợ bạn cho tà tông, Tiểu thừa lập ra vô biểu, Đại thừa cũng khiến cho lập ra, Tiểu thừa lập ra uẩn v.v... nay Đại thừa không lập, lẽ ra đều đồng lỗi kia. Nếu cho rằng do huân tập giả thật có khác, không đồng lỗi kia, nay nương theo chủng tử trên, công năng tăng gấp đôi không lỗi cũng như vậy.

10. Lỗi chủng tử phòng lỗi lầm: nói nếu từ tự tông tức là đạo, định, câu tự; nếu hiện hành hoặc gọi là biểu, vì có hiện hành biểu hiển bày, hoặc gọi là vô biểu vì không như sắc biểu hiển bày, được thành chủng tử, vẫn có thế lực của ngăn ngại ngăn ngừa, chỉ gọi là vô biểu, thế nào là vô biểu? Nếu tùy tâm chuyển vô biểu, hiện hành định đạo tâm không có, nếu biệt thoát vô biểu, há lúc khởi định đạo, tức là đắc được biệt giải thoát ư? Lại nếu rộng không được biểu hiển bày gọi là vô biểu, tức là chủng tử ở nơi tất cả đều ứng hợp lập ra vô biểu, nên không phải hiện hành đạo định, thế lực chủng tử ngăn ngừa lỗi lầm. Nếu như vậy lẽ ra ba tiểu quả người trước hoặc vĩnh viễn không hành, vì chủng tử hay ngăn ngừa đồng với hiện hành. Nếu chẳng phải vô biểu giới, lập ra vô biểu làm gì?

Biểu vô biểu hai tông của Tiểu thừa Đại thừa đã lập không đồng. Vả lại luận Tát-bà-đa hai định, hai giới, đối với căn bản, hiện tùy chỉ ngăn ngừa căn bản, không ngăn ngừa phương tiện và sở khởi sau, đồng ngăn ngừa quá khứ, vị lai. Nếu như vậy vì sao không ngăn ngừa hiện tiền, tùy? Khi chưa có tâm, lúc định, đạo không khởi, nếu khởi tâm rồi, tức là hay ngăn ngại ác, không nhờ vào gia hạnh, nếu xuất định rồi,

không thể ngăn ác, cho nên không ngăn ngừa hiện tiền, tùy. Nếu biệt giải thoát không ngăn ngừa quá khứ, vị lai, chỉ lúc hiện tại, căn bản hiện tiền, tùy đều phòng hộ. Nếu nói về giới đắc, đạo, định đắc đều thông với ba đời. Biệt giải thoát chỉ có câu, vô pháp sau đắc trước vì sắc tánh độn. Nếu lúc xả giới, sau giới rơi rớt lại không có đắc đắc, nghĩa là vô pháp đắc sau, nhưng thuộc về hành là thân, vả lại như xả giới tuy không có đắc đắc, do tự thuộc về thân, nhưng có thể lúc sau chiếu lấy quả Dị thực. Nếu Sư của Đại thừa, đạo, định, biệt giải đều phòng hộ ba đời, và phòng hộ ba thời, nếu lúc xả có huân tập chủng tử trước hay chiếu lấy quả sau, không phải riêng nói có pháp đắc trước sau. Nếu căn cứ theo chủng tử, nghĩa nói trước sau, tuy cũng có thể đắc, nhưng không phải vẫn nói. Nếu thân, ngữ biểu nghiệp, cần phải sắc mới thành, tuy không thể nói nhưng vận động v.v... khiến cho cái khác được giải thoát, biểu vô biểu sắc mười môn phân biệt như chương đó nói rộng.

Đứng về môn thứ năm trong đắc xả, ban đầu nói đắc, sau nói xả, trong phần nói đắc chia làm hai, trước nói biểu sau nói vô biểu. Biểu giới không phải từ cái khác thọ, nhưng cần phải đối với cái khác, vì khởi thân ngữ tức gọi là biểu, nhưng luận Tát-bà-đa phải từ cái khác thọ, vì lúc Yết-ma lần thứ ba cùng với vô biểu giới đồng thời đắc được. Vô biểu thông với hai. Lại Phật và Độc giác không phải từ cái khác thọ, chỉ thuần thọ tự nhiên.

Hỏi: Độc giác có hai, ban đầu chúng xuất gia cũng thấy được Phật, kinh ghi: “Đức Phật Thích-ca lúc thành đạo, năm trăm vị Bích-chi đến chỗ Phật”, vì sao không theo chỗ khác thọ?

Đáp: Chúng xuất gia tuy đến chỗ Phật, do bất lạc trợ giúp, không như hàng Thanh văn thích tôn thờ Phật, bởi vì thuần tự thọ chẳng phải tha.

Hỏi: Như quả Tu-đà-hoàn lúc người nhập vào kiến đế, đắc Phật biệt giải thoát giới, là từ tha thọ, hay là tự thọ?

Đáp: Đây từ xa nói cũng là từ tha.

Hỏi: Nếu từ tha thọ biệt giải thoát rồi, đắc được Thánh hồi tâm sau trải qua nhiều thời do thọ biến dị, cho đến thành Phật, mới xả bốn thân giới, đâu không phải theo chỗ khác thọ? Lại chỉ như từ Thập địa trở về trước đắc giới cũng như vậy.

Đáp: Vả lại Tiểu thừa luận Tát-bà-đa ghi: Tất cả biệt giải thoát của thân Phật trong ba mươi ba tâm trước vẫn gọi chưa từng đắc, tất cả biệt giải thoát trước sau trong tâm thứ ba mươi bốn đều xả vì đắc thắng xả yếu kém, chỉ có một tâm vô tác biệt giải thoát sinh, nhưng cũng là

sắc. Đại thừa có hai giải thích:

1. Chuyển diệt xả nghĩa là chủng tử của Vô lậu có ba phẩm tâm, nghĩa là Kiến đạo ban đầu đắc hạ phẩm, trong Tu đạo đắc được trung phẩm, Phật thời đắc được thượng phẩm, xả liệt phẩm trước chỉ có thượng phẩm, thượng phẩm này đâu phải từ tha thọ.

2. Có chuyển tế xả, như nhập vào Tu đạo, chuyển đổi hạ phẩm đắc trung phẩm, nếu đắc được thượng phẩm chuyển đổi trước phẩm đắc được thượng phẩm, thực hành phẩm này đâu phải cũng từ tha thọ, nên Phật và Bích-chi đều không phải từ tha thọ. Lại biệt giải thoát nói rõ đắc, bất đắc chia làm hai nghĩa là Tiểu thừa và Đại thừa đầy đủ như Biệt chương giải thích. Nhưng trong mười hai bộ, Tây Sơn Trụ, Bắc Sơn Trụ, Chế Đa Sơn, ba bộ đồng nói rằng Hòa thượng không phải thanh tịnh cũng đắc giới, nên luật nói tăng chúng cầu giới không nói rằng Hòa thượng, nhờ vào đâu ba bộ này làm ra kế này? Vì ba bộ trước là bạn của ngoại đạo, thấy không có lợi dưỡng, nên đều đến cùng tăng đồng ở. Lúc sau người thế tục do muốn phân biệt nên về sau họ đều cạo đầu. Lại bị quốc vương muốn lựa chọn người không thọ giới, nên đều không chấp nhận ở. Các người này đều nói rằng ta thọ giới, chúng tăng đồng trách, ở bên người nào thọ, họ tự chỉ những người giống mình cho là Hòa thượng. Đại chúng nói Hòa thượng của ông không thanh tịnh, làm sao đắc giới được? Bèn khởi kế này, mười bảy bộ khác đều không thừa nhận nó, phải cần thanh tịnh. Trong phần nói về xả, luật Tỳ-ni Mầu ghi: “Người phạm giới trọng mất giới”. Kinh Niết-bàn ghi: “Nếu nói mất giới, không hiểu được ý Ta, nếu không mất giới cũng không hiểu được ý Ta”. Nghĩa đó thế nào?

Đáp: Có hai giải thích: Một là người phạm giới trọng không mất giới, như kinh Thập Luân v.v... giải thích. Nếu như vậy vì sao luật nói như chặt đầu người, đá bị chẻ?

Đáp: Nhưng chuẩn theo giải thích của luận Du-già, Bồ-tát giới tăng thượng phẩm buộc người phạm xả giới đầu, trung phẩm, hạ phẩm không xả. Đại luận trước căn cứ theo thượng phẩm, kinh Thập Luân căn cứ theo trung phẩm, hạ phẩm, nên kinh Niết-bàn ghi: “Các đệ tử của Ta nói người phạm giới trọng, xả giới, không hiểu được ý Ta”. Lại “các đệ tử nói người phạm giới trọng mất giới cũng không hiểu được ý Ta”, nhất định nếu thật xả nói xả hiểu được ý của Phật, nếu thật không xả nói không xả hiểu được ý của Phật, đã nói “đều không hiểu ý của Ta”, nên biết xả căn cứ theo tâm của thượng phẩm, không xả căn cứ theo người phạm phẩm hạ, phẩm trung, nên chỉ thuần nói xả hay không xả

là không hiểu ý của Phật.

Thứ hai giải thích rằng: Người phạm giới trọng xả giới. Vì sao? Luận Du-già chỉ nói Bồ-tát giới chỉ căn cứ theo thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm không nói biệt giải thoát, nên biết xả giới, vì sao kinh Thập Luân nói không xả giới? Căn cứ theo hóa tướng mà nói. Nếu nói người phạm liền không trông được nhân tốt, không cung kính chúng xuất gia, nên nói rằng không phạm. Kinh Niết-bàn căn cứ theo hóa tướng, nói xả không hiểu được ý Ta, theo thật nói không xả không hiểu được ý Ta. Luận sư thứ nhất vặn hỏi: Nếu như vậy vì sao kinh Đại Phương Quảng Đà-la-ni ghi: “Nếu có người phạm giới trọng vẫn còn ở trong già-lam gọi là tặc trụ, và nhận của người khác bố thí một trái cây, nhất định đọa vào địa ngục”. Ngài Văn Thù hỏi: “Vì sao được sinh mà không tội?” Đức Phật liền thuyết chú, người tụng chú này, giới tử lại thanh tịnh. Nếu người đều xả, vì sao nói trở lại thanh tịnh? Nên biết người phạm giới trọng có khinh giới và trọng giới, không thể hoàn toàn phán phân đều làm xả, không xả; cho nên giới kinh nói như trước sau cũng như vậy, hãy xem kỹ, phần dẫn có văn của kinh.

Vô lậu luật nghi, hàng Tiểu thừa nếu kiến đoạn đối trị, chỉ sáu địa của sắc giới nếu người thứ lớp chỉ có cận phần ban đầu, nếu người siêu việt, trong sáu địa đều được nhập vào kiến, Tu đạo Vô lậu chỉ thông với chín địa, nhưng ở trong Vô sắc không lập ra Vô lậu và định luật nghi, vì ngăn cách cõi, không phòng hộ dục phi nên không lập ra.

Nếu trong Đại thừa Kiến đạo Vô lậu, sắc giới thông với năm địa mà vào, Kiến đạo của Đại thừa nương theo Định thứ tư, Độc giác cũng như vậy, đây đều vô biểu cũng tùy theo sở ứng. Nếu Tu đạo trị đạo Vô lậu, thông với ba địa dưới của Vô sắc, nếu Phi tưởng địa, tuy có Vô lậu mà chẳng phải đoạn đạo. Nếu nói pháp Vô lậu, cũng phòng hộ lỗi bảy chi, Phi tưởng cũng có Vô lậu luật nghi, định cũng thừa nhận như vậy.

Luận: Không phát ra là vô, chỉ nói phi sắc. Phi sắc là gì? Kinh Niết-bàn quyển 18 phân giải thích sáu niệm ghi: “Niệm giới là tuy không phải hình sắc mà có thể hộ trì, tuy không phải xúc đối mà có thể tu tập”. Quyển 36 phần Tranh luận ghi: “Vô tác giới là chẳng phải dị sắc nhân, không tạo tác quả của dị sinh nhân, là gọi vô tác giới”. Nói chẳng phải dị sinh nhân là chẳng phải các đại tạo là nhân thân tạo, không tạo tác quả của dị sinh nhân, chẳng phải đại tạo nhân thừa nhận quả, nên biết vô tác giới chỉ nương theo tư mà lập, nên xem văn kia.

Lại nghiệp và nghiệp đạo nên lập ra bốn câu, giả thật hai nghiệp và thông sinh du lý, tự chuẩn theo có thể biết. Nhưng luận Tát-bà-đa chỉ

lấy du lý gọi là nghiệp đạo, tức là ý tư là nghiệp, mà không phải là đạo. Đại thừa chỉ nghiệp tức đều là đạo.

Nói đặc, phi đặc v.v... trở xuống phá Bất tương ưng hành, trừ Kinh lượng bộ và Nhất thiết bộ chỉ phá được bộ khác. Vì sao? Kinh bộ đặc v.v... đều là giả có, như luận Câu-xá phá Hữu bộ. Nói là Nhất thiết bộ, đã nói các pháp chỉ có năng thuyên, không phải thật sở thuyên, tất cả pháp thể nên cũng không lập ra Bất tương ưng hành, nên đây nói trừ. Nhưng Yếu Tập ghi: “Trong đây Đại thừa, Kinh bộ cũng phá được sự Tát-bà-đa”, lý nhất định không như vậy, lẽ nào Tiểu thừa và Hộ pháp v.v... tạo ra Duy thức? Tuy có thể cùng với luận Câu-xá kia trong phá nghĩa tương tự, đây chẳng phải cùng đạo. Nay đây dưới phá chỉ nương theo tỷ lượng phá, nó được lập không có hiện lượng và chí giáo lượng phá, vì nó thật có. Luận Chánh Lý quyển 13 ghi: “Lại các tướng đây, đâu phải như cái bình v.v... có hiện lượng, tỷ lượng”. Hoặc chí giáo lượng chứng được thể giả có, đã ngăn ngại thật có, nên họ nhất định thừa nhận sinh v.v... tướng thể là giả có. Pháp thứ ba nhất định không có lý có. Ý này không thừa nhận sinh v.v... thật có, tức là lẽ ra định nói sinh v.v... giả có, do nhất định không thừa nhận có pháp thứ ba, cũng thật cùng giả, rộng như luận kia nói. Do hai nhà này hiện lượng, chí giáo không có thành thật chứng, chỉ có thể tỷ lượng đều làm lập phá, nên Tiểu thừa kia tuy dẫn Thánh giáo, nay Luận chủ nói: Kinh không nói dị sắc, tâm v.v... có thật thể dụng là chứng không thành tựu, nhưng tỷ lượng phá, ở đây vốn nói văn này có ba:

1. Văn hỏi thật có, nêu riêng thể tướng và nhân của tác dụng.
2. Đây nhất định chẳng khác trở xuống kết hợp văn hỏi thể dụng.
3. Hoặc tâm, tâm sở trở xuống chỉ văn hỏi thật có.

Tây Minh giải thích rằng: “Đây nhất định chẳng khác” trở xuống, lượng đầu giải thích thể dụng trên chẳng thật, kế hai lượng sau lại giải thích lỗi trước, ban đầu phá được thật có, sau lập ra giả có. Đây không cho là như vậy, văn tự lập lượng thẳng là phá tha, vì sao cần giải thích trên và lập lại giải thích lỗi? Đã nói lại giải thích, vì sao lại nói, ban đầu phá được thật có, sau lập ra giả có? Lại hai lượng sau chuẩn theo văn phá thật, chưa phải là lập ra giả; nhưng vả lại phá tha. Do họ lập ra rằng: Bất tương ưng hành khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, nên nay đối phá ngăn ngại họ là luận, chưa phải tức là phản lại thành tịnh bất tương ưng hành giải, vì trong phần Thuật chánh ở sau mới lập giả. Yếu Tập ghi: “Đây nhất định chẳng khác sắc, tâm, tâm sở, có thật thể dụng, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc, tâm v.v...”, đây cùng với tông

ngoại đạo làm ra tỷ lượng tương vi, nhưng tỷ lượng này có lỗi. Nếu chỉ lập ra hai lượng đều có lỗi bất định, nghĩa là bất tương ứng hành khác sắc, không phải thật thể dụng, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc khác tâm, không thể lượng có thể chuẩn theo mà biết. Đây tức là lỗi bất định, nếu hợp lập ra tức là lỗi pháp tự tương tương vi, và lỗi pháp sai biệt tương vi nhân. Tự tương tương vi nói rằng: Bất tương ứng hành khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc tâm v.v... dụ này có hai nghĩa:

1. Sắc bên ngoài không phải tâm thể riêng, tâm bên ngoài không phải tâm thể riêng.

2. Sắc bên ngoài có tâm thể riêng, tâm bên ngoài có sắc thể riêng.

Như sắc tâm v.v... nói bao hàm hai nghĩa, nên Luận chủ nhận lấy nghĩa trước, người bên ngoài nhận lấy nghĩa sau. Lại pháp sai biệt tương vi lượng rằng: Bất tương ứng hành, định là thật có, vì thừa nhận uẩn nhiếp, như sắc, tâm v.v... thẳng nói định thật có thể, không nói khác sắc, tâm v.v... nên chẳng phải nói hiển bày, thuộc về trong sai biệt. Vả lại trước nói rằng: Có lỗi pháp tự tương tương vi là không như vậy, đã hợp lập lượng, cả hai làm nhân, dụ, nếu người ngoài nói rằng khác với sắc tâm v.v... có thật thể dụng, tức là sắc tâm v.v... là dụ của pháp khác, thừa nhận uẩn nhiếp, nhân đã chuyển khác là nó tự thành tựu lỗi pháp tự tương tương vi, vì sao được nói Luận chủ tương vi? Luận chủ đã nói rằng: Định không khác với sắc, tâm, có thể tức là tâm sắc v.v... làm đồng pháp dụ, nhân đối với kia chuyển, sắc, tâm v.v... không khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, bèn chánh đồng dụ, cho nên không lỗi. Lại lỗi pháp sai biệt cũng không thành tựu. Đã nói rằng định thật có thừa nhận uẩn nhiếp, tâm, sắc là dụ. Đại thừa tâm, sắc đồng có giả thật, có tha bất định, cái bình cái bồn v.v... giả cũng thuộc về uẩn có cộng bất định, không thể nói cái bình v.v... chẳng phải thuộc về uẩn. Vì chẳng phải Vô vi lại chẳng phải hỗ tương không, định thuộc về uẩn. Lại như nhãn v.v... nhất định là dụng của tha, ý bao hàm chân giả, thành tựu chân dụng khác; gọi là pháp sai biệt. Nay nói rằng bất tương ứng hành, ắt nhất định khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, tức là nói trong hiển lập, ý kia thừa nhận bất tương ứng hành khác với sắc, tâm v.v... có thật thể dụng, cùng với ai làm sai biệt? Lại nữa, nhất định không khác với sắc, tâm, tâm v.v... có thật thể dụng, hợp gọi là pháp. Nay chỉ riêng lấy định thật có thể làm pháp sai biệt, lẽ nào thành lỗi? Lại nhân bất định, nên phân biệt này chỉ lập luống công, còn lại chuẩn theo có thể

biết.

Nói mười pháp của Vô học, tên như Sơ liệt kê. Tám Thánh đạo, chánh kiến nghĩa là Hậu đắc trí, Hữu tông Kiến đạo khởi, Đại thừa Tu đạo khởi, nên là Hậu đắc trí. Luận Trung Biên ghi: Phân biệt chi nếu như vậy đã là thể của pháp luân, cũng ở trong Kiến đạo, vì sao chỉ Hậu đắc?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Các pháp Vô lậu đều gọi là pháp luân, không phải chỉ tám đạo, ở nơi Kiến đạo tuy không phải tám đạo, cũng gọi là pháp luân.

2. Luận Trung Biên căn cứ theo hiển thắng mà nói ở nơi Tu đạo, luận Du-già nói ở nơi Kiến đạo.

Nếu nương theo giải thích trước luận Du-già tùy chuyển nói ở Kiến đạo, hai thuyết nhờ vào hữu tình. Chánh tư duy lấy tư làm thể, theo luận Thập Địa thì người tịnh giác tức là cho rằng giác là tâm, xét Phạm bản không lấy tâm tư làm thể, như quyển 7 Luận sơ giải thích. Vô sân, si đã phát ra thân, ngữ gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, vô tham đã phát ra gọi là chánh mạng, giải thoát là thắng giải tâm sở, trí là duyên theo trí của Vô vi, thể còn lại như tên gọi. Luận Tạp Tập quyển 10 ghi: “Mười pháp của Vô học nương theo giới uẩn của Vô học, cho đến trí kiến uẩn, Vô học chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới uẩn. Chánh niệm, chánh định là định uẩn. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là tuệ uẩn, ba loại này nương theo tự tánh và quyển thuộc mà nói. Chánh giải thoát là giải thoát uẩn. Chánh trí là Vô học giải thoát trí kiến uẩn.

Luận cũng nói Luân vương thành tựu bảy báu, lẽ đâu phải tức là thành tựu thân khác chẳng phải hữu tình. Tây Minh nói: “Hữu bộ cho như vậy tức là trái với Hữu tông”. Ngoại đạo vặn hỏi rằng: Đại thừa giả đắc, vì sao một lập một không lập, so sánh đồng như sở phá?

Giải thích rằng: Chẳng phải so sánh, thật đắc có dụng nên thông với trong ngoài, đều có thật đắc, ngã lập ra giả đắc, nên Luân vương thành tựu bảy báu giả, cũng không thành chẳng phải tự thân. Nay cho rằng giải thích này không đúng. Đại thừa đắc v.v... đã là giả lập, thông với tình phi tình, tự tha lỗi gì? Vì kinh nói có thành tựu lỗi, nếu không như vậy thì đồng với họ, không thể lia vặn hỏi.

Hỏi: Nếu như vậy Châu luân có thể nói thành tựu, tự thức biến, còn lại hữu tình nương vào đâu giả lập nói thành tựu ư?

Đáp: Cũng thừa nhận biến đổi phù trần khác, thọ dụng nên cũng là tự thức, lại do nghiệp cảm, nương theo nghiệp giả lập cũng lại không

trái.

Nói chưa được đã mất nên vĩnh viễn không sinh, chưa được có thể biết, pháp đã mất, vị lai lẽ ra sinh thiếu duyên không khởi, cũng gọi là đã mất, đây nhất định không sinh, đặc được phi Trạch diệt, như thay đổi giới địa v.v... pháp đã xả gọi là đã mất, tức là thừa nhận có thể sinh, đây không có trước đặc. Nay căn cứ theo loại này, đã không phải trước đặc, nên vĩnh viễn không khởi.

Nói nếu đợi nhân khác đặc liền không có dụng, có giải thích tâm đợi bốn duyên, sắc đợi hai duyên, đủ để sinh pháp, đâu cần khởi nhiều, nên đặc không có dụng. Đây phá không đúng, có thể pháp phi tăng thượng được sinh khởi. Nhưng Yếu Tập ghi: “Đặc chẳng phải bốn nhân và năm sinh”, lý dễ biết, nên xem luận Câu-xá dẫn đầy đủ. Lại đây đủ thiện, ác Vô ký đặc, trong đây đều vặn hỏi quá khứ đã xả, tuy không có hậu đặc, vị lai đã mất, bên không có trước đặc, đều có câu đặc, vặn hỏi khiến cho đặc sinh cũng đặc. Nhưng chuẩn theo bản ý, chỉ vặn hỏi không mất, hiện tại thành trước đặc, pháp của ba tánh sẽ đốn ngộ hiện tiền, cho nên nói: Nếu đợi nhân khác đặc liền không có dụng. Nếu vặn hỏi đã xả và đời vị lai duyên thiếu không sinh, tuy có câu đặc, họ thừa nhận không có dụng vì không thể sinh, liền thành tựu lỗi tương phù, nên vặn hỏi không mất. Hiện tiền thành tựu đặc, đây tuy có hai thuyết, theo luận Câu-xá ghi: “Ai nói đặc này làm ra pháp sinh nhân”? Trong luận Chánh Lý, chỉ có không mất, không phải nhân năng sinh, nên luận kia nói: Do được thừa nhận đặc là đã đặc pháp vì không mất nhân. Hai thuyết của luận Bà-sa, chánh nghĩa cũng chỉ làm không mất nhân.

Luận: Nên đặc đối với pháp đều là vô dụng. Hai nói rằng: Thức đã biến không lia hữu tình, tức là pháp phi tình cũng không lia hữu tình, vô pháp gọi là lia pháp của hữu tình, ban đầu nó có đặc, sau tức là không đặc.

Hỏi: Đã nói vô pháp tức là vô thể, lại nói pháp nào, được gọi là lia?

Đáp: Do vô pháp kia, giả gọi là lia, chẳng có vô thể, gọi là lia hữu tình, luận không có bản tánh, không căn cứ theo thức biến là vô nên gọi là lia.

Giải thích ba loại thành tựu, vả lại pháp có hai: một là hữu thể, hai là vô thể. Chỉ đối với hữu pháp, lập ra thành tựu, không ở nơi vô pháp. Vô pháp không có tự thể nên không thể thành tựu. Trong hữu pháp lại có hai loại: một là Hữu vi, hai là Vô vi. Vả lại trong Hữu vi lại có hai loại: một là tự thức biến, hai là tha thức biến. Trong tự thức biến

lại có hai loại: một là chủng tử, hai là hiện hành. Chủng tử ẩn thì khó biết, cho nên chia nó làm hai: một là chủng tử thành tựu, hai là tự tại thành tựu. Hiện hành hiển bày thì dễ rõ, cho nên chung hợp làm một gọi là hiện hành thành tựu. Trong chủng tử lại có ba loại: một là thiện, hai là bất thiện, ba là Vô ký. Trong thiện có hai: một là Vô lậu, hai là Hữu lậu. Trong Hữu lậu thiện lại có hai loại: một là phương tiện, hai là sinh đắc. Vô lậu thiện trước và phương tiện đều gọi là tự tại, vì thành tựu đây nhất định ở nơi sinh tử, nên đắc được tự tại. Lại do dẫn sinh, gia thêm công dụng, mới bắt đầu khởi, tức là thông với bản, thì, còn lại nghĩa chuẩn theo tư. Sinh đắc thiện là sinh liền tức đắc, nhân xoay vần mà sinh, không có công năng thù thắng. Chủng tử vốn có chỉ gọi là sinh đắc pháp của bất thiện, cũng chỉ gọi là chủng tử thành tựu, vì hữu pháp này, chìm đắm trong sinh tử, đối với Giải thoát phần không có công năng kham nhận thù thắng.

Tuy kinh Giải Thâm Mật ghi: Bồ-tát Thập địa khởi phiền não, hơn hàng Nhị thừa khởi Vô lậu, kia do bi trí Vô lậu, chẳng phải phiền não kia tự có công năng kham nhận, nên không gọi là tự tại thành tựu. Trong pháp Vô ký lại có hai loại: một là Hữu phú, hai là Vô phú. Tánh hữu phú là đồng với thuyết của phiền não. Vô phú vô ký lại có bốn loại: một là Dị thực, hai là oai nghi, ba là công xảo, bốn là biến hóa. Dị thực Vô ký chỉ có chủng tử thành tựu, oai nghi công xảo mỗi mỗi đầy đủ hai loại. Như voi đi, nay chạy, kinh doanh, làm ruộng, dệt vải, ghi sổ sách v.v... gọi là chủng tử thành tựu. Nếu voi chúa đi, ngỗng đầu đàn bước in thành lần, vẽ thành tranh v.v... gọi là tự tại thành tựu. Vì thêm công mới đắc, chẳng phải nhân xoay vần khởi. Biến hóa Vô ký chỉ có tự tại thành tựu, vì nhất định công dụng khởi, lại thành tựu đây đắc được tự tại, nên luận Du-già ghi: “Nếu gia hạnh đã sinh thiện và một phần Vô ký tăng tịnh chủng tử, gọi là tự tại thành tựu”. Luận Đối Pháp cũng ghi: “Gia hạnh thiện pháp nghĩa là tất cả công năng của thế gian và xuất thế gian”. Một phần Vô ký nghĩa là công xảo xứ biến hóa tâm v.v... nên trên nói tự thức biến cũng thông với phi tình, có nói thành tựu bảy báu, nếu tha thức biến chuẩn theo trong phần thứ hai, biến đổi căn trần khác, luận từ hai thuyết. Trong quyển 7 giải thích Sở duyên duyên, cũng thừa nhận duyên theo chủng tử của tha sở biến. Lại nói: Luân vương thành tựu bảy báu, tuy theo sở biến không được gọi là thành tựu, tự thức nương biến, cũng có thể giả nói ba loại thành tựu. Nhưng Tây Minh nói: Chuẩn theo luận Hiền Dượng ghi:

1. Chủng tử sở nhiếp của các hành tánh tương tục sai biệt.

2. Tự tại sinh khởi tánh tướng tục sai biệt.

3. Tự tướng sinh khởi tánh tướng tục sai biệt

Nói cùng với luận Du-già riêng chủng tử lập ra một, hiện hành tức là chia làm hai, gia hạnh thiện v.v... gọi là tự tại sinh khởi tướng, chẳng phải gia hạnh sinh khởi, chỉ gọi là tự tại sinh khởi. Nay lại giải thích cùng đồng với luận Du-già. Nói hai tự tại sinh khởi tướng tục tánh sai biệt là do gia hạnh v.v...

Chủng tử của thiện pháp, có công năng thù thắng, khởi hiện hành rồi thì đắc được tự tại, gọi là tự tại sinh khởi. Nếu hai loại hiện hành gọi là tự tại sinh khởi, do khởi hiện hành gọi là tự tại sinh khởi, pháp của Vô vi lập ra thành tự, như Sở nói.

Lại giải thích thêm rằng: Chuẩn theo quyển 2 ghi: Vô vi có hai: một là nương theo thức biến, hai là nương theo Chân như lập, cũng lập ra được chẳng, cũng có ba loại chẳng?

Đáp: Đã giả lập ra được hai loại câu hữu, cũng có chủng tử khác của tự tại v.v... Vả lại nương theo thức biến Vô vi lập ra được, đều nương theo kiến phần kia, chủng tử trên lập ra, chủng tử là hay khởi tướng của Vô vi, hoặc nương tựa kiến phần hiện hành, vì lúc tâm khởi biến đổi tướng kia. Ba là sai biệt, phương tiện thiện tâm biến huân tập thành chủng tử gọi là tự tại thành tự, hiện hành tâm biến tức là hiện hành thành tự. Còn lại tâm biến chủng tử thành tự, không gọi là tự tại, nếu nương theo Chân như lập ra, căn cứ theo năng chứng mà nói, nương theo chủng tử tức là tự tại, hiện chứng tức là hiện hành, nếu sau được duyên, tức là đồng với trước nương theo thức sở biến mà nói. Nhưng Phi Trạch diệt tuy chẳng phải trí chứng, nếu tạm thời phục trừ hoặc đắc phi Trạch diệt, đồng với Hậu đắc trí mà nói, nếu chẳng phục trừ hoặc chỉ duyên thiếu hiển bày, nương theo nghĩa chủng tử không khởi, tự tại chủng tử v.v... chuẩn theo tánh có thể biết.

Lại nói rõ ở trong đắc sở y, Đại thừa Tiểu thừa không đồng, như Sở thuật. Nhưng nói hai loại thuộc sở y, nghĩa là Thức thứ tám như rất ráo đắc pháp Phi Trạch diệt và trong Phật thân, tà lý không sinh v.v...

Hỏi: Đã nói rất ráo tà lý không sinh, lẽ ra gọi là Trạch diệt, vì sao gọi là phi Trạch diệt?

Đáp: Nếu do trí đoạn, rất ráo không sinh, tức gọi là Trạch diệt, Phật thân tà lý không do trí đoạn, chỉ do đoạn được vô minh kia v.v... tà lý không sinh như nhập vào Kiến đạo, thân của Bắc châu v.v... đắc được phi trạch. Lại giải thích đây đều là hiện hành, tuy lại rất ráo không sinh, chủng tử vẫn còn, cũng chướng ngại được sở nhiếp, lúc cảnh trí

sinh, mới bắt đầu chủng tử diệt, tức là đắc được Trạch diệt, được thuộc về cảnh trí, nếu như vậy cảnh trí lẽ ra hay lìa nhiễm. Như thật nghĩa, lúc cảnh trí khởi, chẳng phải sở y kia, Hữu lậu đều xả, chẳng phải tác ý đoạn, không gọi là Trạch diệt, cũng không thể nói quán sát trí đoạn, vì chẳng phải vô gián, gọi là Diệu giác. Nếu do đoạn nhiễm lẽ ra đồng với vô gián, gọi là Đẳng giác. Đã không như vậy, nên cảnh trí sinh nó v.v... tự diệt đắc được phi Trạch diệt, đắc thuộc về cảnh trí nhưng Sở nói thuộc về Thức thứ tám. Căn cứ theo sở y vương thông với thuyết của nhân quả, nếu ở Phật quả tức là nương theo cảnh trí, giải thích này tôi đích thân nghe nên sao chép lại.

Lại nói rõ Đại thừa Tiểu thừa, đắc sở thuộc khác nhau. Vả lại luận Tát-bà-đa đắc có hai loại: một là pháp Hữu vi đắc, hai là pháp Vô vi đắc. Nếu pháp Hữu vi đắc, nhất định thuộc về sở đắc. Nếu sở đắc là ba tánh, năng đắc cũng có ba tánh, ba cõi, chín địa, sắc, tâm, bất tương ưng, cũng tùy theo sở đắc phán phân thuộc về giới địa v.v... Vô vi đắc là Vô vi có ba, như Sở phán phân nhưng thông với lậu Vô lậu. Nếu sáu hành đạo đắc chỉ có Hữu lậu, Kiến đạo đắc chỉ có Vô lậu, Tu đạo không cả hai. Vì thừa nhận Tu đạo cũng có Hữu lậu, Vô học Vô lậu, đoạn được phi tướng hoặc, chỉ có Vô lậu đạo, được quả xả hưởng. Xả lậu trước khởi Vô lậu đắc, sở đắc Vô vi thuần là Vô lậu, Phi Trạch diệt đắc chỉ là Di thực, thuộc về tánh Vô ký, vì vi, Vô vi, hai hữu thể pháp. Nếu khởi đắc, đắc thuộc về hành, vì có thể, tùy theo chỗ ứng, được thuộc về sở đắc và năng đắc đạo. Nay đây phi Trạch diệt này thiếu duyên không sinh, pháp đã không sinh nên không thể thuộc về sở bất sinh pháp, vì chẳng phải hữu tình, chỉ thuộc về sở y chúng đồng phần, nếu nó phi đắc chỉ thuộc về sở y chúng đồng phần lập ra, định chỉ Di thực tánh Vô ký. Nếu đắc được pháp Trạch diệt, còn có thể sinh lại, như thoái lui quả, nếu đắc được Phi trạch, rốt ráo không sinh, vì thiếu duyên. Nếu nương theo Đại thừa, pháp Hữu vi đắc, cũng đồng với luận Tát-bà-đa, định thuộc về sở đắc. Các tánh giới địa, hoặc sắc hoặc tâm và lậu Vô lậu chủng tử hiện hành, tùy theo chỗ ứng, đều tùy theo sở đắc, phán phân thuộc về pháp kia, vì nương theo trên các pháp này, giả kiến lập. Nếu Trạch diệt đắc, đồng với Hữu bộ kia, thuộc về năng đắc đạo, nhưng chỉ có Vô lậu, vì không thừa nhận sáu hành là đoạn đạo, chỉ nương theo Thánh đạo, vĩnh viễn hoại diệt chủng tử, vì đắc được Trạch diệt. Lại sáu hành đạo chỉ nương theo Vị chí, chẳng phải Căn bản địa, phục trừ được hoặc mà chẳng phải đoạn, vì chủng tử còn tồn tại, đắc được phi Trạch diệt. Lại theo đạo khởi, đắc được phi trạch thời phần, Đại thừa Tiểu thừa không

đồng, như luận Tát-bà-đa, khổ pháp trí nhãn làm Vô gián đạo, tuy đoạn được phiền não, cùng với hoặc được đủ cả, chưa đoạn được trói buộc, chưa gọi là đắc được Trạch diệt, khổ pháp trí khởi làm Giải thoát đạo mới đoạn được trói buộc, tuy chưa duyên theo chứng Trạch diệt Vô vi. Nương theo giải thoát này lập ra Trạch diệt đắc, xa khởi đắc, đắc được Trạch diệt kia, nên Trạch diệt đắc thuộc về năng đắc đạo. Do khổ pháp trí, chỉ duyên theo Khổ đế mà chưa duyên với diệt, vì Trạch diệt này là Diệt đế, chứng được Vô vi này, chỉ diệt trí thấp, tuy diệt trí thấp, diệt pháp trí nhãn chính là Vô gián đạo, cũng chưa khởi đắc, đắc được Vô vi kia. Lúc diệt pháp trí, đoạn được mê kia, diệt phiền não hoặc đắc, bắt đầu đắc được Vô vi, mới khởi đắc đắc, vì Giải thoát đạo trọng tức là chứng, còn lại đều chuẩn theo mà biết.

Nếu tông của Đại thừa, khổ pháp trí nhãn, trong Vô gián đạo, chưa lập ra Trạch diệt đắc, tuy chính đoạn hoặc chứng được chưa từng đắc, vốn đoạn được chủng tử của hoặc. Ở trong Giải thoát đạo, mới khởi đắc đắc, nương theo đây giả lập ra Trạch diệt đắc. Phần sau ghi: “Đoạn hoặc chứng diệt tâm mong khác nhau”. Hoặc căn cứ Vô gián cũng giả lập đắc, vì chứng diệt, phần sau đứng về tâm mong cầu. Nhưng tông của Đại thừa, bốn Đế như khổ v.v... bốn Đế đều có ba loại lý, sự, thật. Thật tuy không nhiều nương theo thuyết thiết lập, nên nói bốn Đế, ban đầu khổ pháp trí nhãn, tức là ở nơi khổ đế sự lý chứng riêng, nhưng sở chứng như bốn Đế không khác, vì sao không gọi là chứng ở nơi diệt đế? Vì ở nơi Diệt đế sự lý cả hai đều chứng, chưa chứng riêng pháp trí giải thoát chứng được hai chướng kia, không sinh giải thoát, chẳng phải là địa vị này, mới bắt đầu chứng chân, tự sau các tâm chuẩn theo đây mà biết. Trên đây tướng kiến nghĩ chân Kiến đạo, nghĩa luận bốn Đế khác, căn cứ theo chân kiến bốn Đế cụ thời chứng không có trước sau.

Trái với đây giả lập không thành tự, ở trong nhiệm pháp lược làm sáu cặp đối, nương theo Yếu Tập, nếu phục trừ công năng cũng gọi là chẳng thành, thể của chủng tử tồn tại, cũng tức gọi là thành.

1. Kiến tu đối.
2. Thế gian, xuất thế gian đối.
3. Hiện hành chủng tử đối.
4. Thức thứ sáu, thứ bảy đối.
5. Phiền não sở tri đối.
6. Chủng tử tập khí đối.

Một, Kiến tu đối: nghĩa là ba Thừa Kiến đạo ba cõi phân biệt, tất cả hai chướng, tùy theo chỗ ứng, hoặc là chủng tử hoặc là hiện hành,

gọi là chẳng thành tựu, ba cõi Tu đoạn, tùy theo chỗ ứng, gọi là thành chẳng thành, Nhị thừa Kiến đạo, tùy theo chỗ phục trừ trước, Tu đạo phiền não đoạn, gọi là chẳng thành, chưa phục trừ không đoạn, trừ là cũng gọi thành, chẳng phải đối trị, không chướng ngại kiến, Tu đạo chuẩn theo mà biết.

Hai, Thế gian xuất thế gian đối: nghĩa là thế đạo chỉ phục trừ Câu sinh mê sự biệt đầu khởi tham, sân, si, mạn khiến không hiện khởi gọi là chẳng thành, mê lý và tế đều chẳng phải được phục trừ, tức gọi là thành tựu, xuất thế gian như trước.

Ba, hiện hành chủng tử đối: tất cả hiện hành, nếu chưa được sinh khởi đều gọi là chẳng thành, nếu lúc sinh khởi tức gọi là thành tựu. Hai chướng chủng tử nếu chưa tổn phục, tức gọi là thành, nếu đã đoạn trừ, tức gọi là chẳng thành. Nếu ở phàm phu, thể tồn tại gọi là thành, hoặc có phục trừ, tổn hại phục dụng nên cũng gọi là chẳng thành. Nếu ở Nhị thừa đã biết chủng tử thành, Bồ-tát tùy theo sẽ có thành chẳng thành.

Bốn, Thức thứ sáu, thứ bảy đối: Vả lại phiền não chướng như hàng Nhị thừa, tồn tại nơi Kiến đạo, sáu tương ứng hoặc phân biệt chẳng thành. Câu sinh thông với hai loại, Thức thứ bảy gọi là thành, nếu có quả siêu việt, không đoạn được bảy hoặc, trong Tu đạo tám mươi một phẩm, tùy theo chỗ ứng có thành chẳng thành, nếu hoặc Thức thứ bảy thành, đoạn được tám mươi một phẩm, mới gọi là chẳng thành, đoạn được tám mươi phẩm trước, vẫn gọi là thành. Căn cứ theo có chủng tử mà nói, nếu căn cứ theo công năng, thế đạo gọi là thành, xuất thế chẳng thành. Nếu căn cứ theo Bồ-tát Thức thứ sáu phân biệt Kiến đạo chẳng thành, Câu sinh gọi là thành, vì không có quả siêu việt. Ở trong Tu đạo, thân kiến của Thức thứ sáu, bốn Địa vĩnh viễn bị chiết phục gọi là chẳng thành, trước đó gọi là thành. Căn cứ công năng mà nói, nếu đứng về chủng tử thể vẫn gọi là thành, ngã kiến của Thức thứ bảy, Kim cương vô gián gọi là chẳng thành, trở về trước gọi là thành. Căn cứ theo thể của chủng tử, không theo dụng nói, theo dụng nói có thành chẳng thành, vả lại lược nói như vậy.

Năm, phiền não sở tri đối: chướng của sở tri, Nhị thừa gọi là thành chẳng thành. Vì Nhị thừa kia tuy đoạn được định chướng, hiện hành không khởi, chủng tử tồn tại. Bồ-tát Địa thượng hai chướng phân biệt, Kiến đạo chẳng thành, Tu đạo Câu sinh phiền não chướng chủng tử, Kim cương vô gián trở về trước gọi là thành, vì không đoạn chủng tử. Nếu thuộc về sở tri chướng, chủng tử hiện hành đều thành chẳng thành, Kim cương vô gián hai chướng chủng tử hiện hành đều gọi chẳng thành.

Sáu, chủng tử tập khí đối: tập khí của Nhị thừa hai chướng đều thành, vì không đoạn tập khí. Bậc Bồ-tát, phiền não chủng tử Câu sinh gọi là thành, tập khí của hai chướng và chủng tử của sở tri, gọi là thành chẳng thành. Vì trong mười Địa tùy theo phần đoạn, địa vị của Giải thoát đạo, chủng tử tập khí của hai chướng đều gọi là chẳng thành, lược nói như vậy, nói kỹ sợ dài dòng.

Trong pháp Vô ký, vả lại Dị thực Vô ký đứng về giới phân biệt, tùy theo xứ sở sinh, chủng tử hiện hành đều thành tựu, xứ bất sinh khác chủng tử thành hiện hành không thành, vì không có khởi đối với dị địa Dị thực. Lại nếu đoạn, hoặc là người, trời Dị thực Vô ký đến Kim cương Vô gián hoặc Giải thoát đạo, mới gọi là chẳng thành, địa vị khác gọi là thành, căn cứ theo thành Phật mà nói. Nếu hàng Nhị thừa, vô dư chẳng thành, nếu căn cứ theo duyên trói buộc, tùy theo chỗ ứng, Kim cương vô gián đoạn hết hoặc nên gọi là chẳng thành. Nếu là ba đường, huỳnh môn, nữ nhân, trời Trường thọ, trời Vô tưởng v.v... nhập vào Kiến đạo rồi rốt ráo không sinh, gọi là chẳng thành, trở về trước gọi là thành. Trước căn cứ theo hiện hành và công năng mà nói, nếu luận về thể của chủng tử, ba đường Dị thực, nhập vào Kiến đạo chẳng thành thể cũng không có, chủng tử của nữ nhân v.v... thể có gọi là thành, oai nghi, Vô ký tâm thông với cõi Dục, cõi Sắc, tùy sinh hai cõi. Sinh cõi Vô sắc chủng tử thành hiện hành đều được gọi là thành. Phật quả chẳng thành, duyên trói buộc tùy ứng, nếu rộng khởi oai nghi, tha thọ, biến hóa, đã khởi oai nghi cũng được gọi là thành, duyên trói buộc chẳng thành giả tâm nói có, không thật năng phát. Nếu thật oai nghi từ Địa thứ tám trở lên hiện hành cũng chẳng thành, thường hằng Vô lậu thiện, chẳng phải Vô ký, công xảo Vô ký chỉ ở cõi Dục, chủng tử hiện hành gọi là thành. Nếu sinh về hai cõi trên, chủng tử thành, hiện hành chẳng thành, kia tuy có ngữ, căn cứ theo công xảo mà nói, hàng Nhị thừa đều thành, Phật đều chẳng thành. Từ Địa thứ tám trở lên chủng tử thành hiện hành chẳng thành. Nếu căn cứ theo duyên tâm oai nghi, công xảo, tùy theo nên chuẩn mà biết, thông quả Vô ký, cõi Dục, sắc giới thành, địa pháp sắc giới, dưới giữ gìn chủng tử và hiện hành kia, tùy theo chỗ ứng gọi là thành chẳng thành. Nếu đến Phật quả chủng tử mới chẳng thành. Nếu căn cứ theo duyên trói buộc, hàng Nhị thừa Vô học cũng gọi là chẳng thành, chủng tử của Địa thứ tám thành.

Trong Hữu lậu thiện, sinh khác nhau, trong phương tiện thiện ba tuệ khác nhau. Căn cứ theo giới địa, hiện hành chủng tử thành chẳng thành v.v... đều chuẩn theo tư, Vô lậu thiện trong phạm phu. Vô tánh

chẳng thành, hữu tánh chủng tử thành. Hàng Tam thừa Thánh, chủng tử hiện hành đều thành. Hàng Nhị thừa vô dư chủng tử hiện hành chẳng thành, người còn lại thiện căn lúc Niết-bàn thì hết.

Hỏi: Trước nói rõ đắc y, phi đắc y như thế nào?

Đáp: Hữu vi phi đắc hiện hành chẳng thành, tức là nương theo chủng tử lập. Lại giải thích nương theo Thức thứ tám ngược với thành tựu kia, lập ra chẳng thành tựu, hiện hành thành tựu không nương theo chủng tử, phi đắc trái với kia, vì sao nương theo chủng tử? Lại giải thích nương theo chủng tử, nếu do ngược với kia hiện hành thành, không nương theo chủng tử, tức là chẳng thành cũng không nương theo, như chủng tử thành nương theo chủng tử lập, chẳng thành lại nương theo gì? Căn cứ theo thể chẳng thành, tức là vô thể, hai giải thích mặc tình.

Nếu tự tại và chủng tử thể tự tại không thể gọi là phi đắc, cũng nương theo chủng tử lập, nếu như vậy cùng với hiện hành phi đắc khác gì? Đây căn cứ theo không công năng, kia theo chưa khởi, nên có sai biệt. Nếu căn cứ theo thể vô gọi là phi đắc, đồng với Trạch phi trạch hai loại đắc mà nói. Trong nương theo chủng tử, như tánh của Thánh phi đắc có hai nghĩa:

1. Tương vi phi đắc, tức là Dị sinh tánh, nương theo chủng tử của hai chương.

2. Tương thuận, nương theo công năng mà nói tà kiến đoạn được thiện, hoặc chưa nhập vào Kiến đạo.

Nếu có chủng tử chưa khởi công năng, cũng gọi là chẳng thành, tức là nương theo chủng tử của Vô lậu giả lập, hiện hành chẳng thành cũng nương theo chủng tử lập. Vô vi phi đắc, Trạch diệt Vô vi, người không chủng tánh và chưa nhập vào Kiến đạo đều nương theo chủng tử của hai chương mà lập, nhập vào Kiến đạo đã qua, tùy theo chỗ chưa đoạn được Câu sinh của hai chương lập ra Trạch phi đắc, vì chẳng đắc được sở chương Trạch diệt kia, phi trạch phi đắc tùy theo chỗ ứng, nương theo các pháp Hữu vi kia, chủng tử hiện hành mà lập, vì thành tựu pháp kia, không đắc được Phi trạch.

Luận giả lập phi đắc gọi là Dị sinh tánh, Dị sinh tánh này có ba môn khác nhau:

1. Giải thích tên gọi.
2. Nêu ra thể.
3. Luận về sai biệt.

Một là giải thích tên: là trước lìa sau hợp. Dị có hai: một, biệt dị gọi là Dị, nghĩa là Bậc thánh chỉ sinh về hai đường; trời, người đều thông

với năm đường, không đồng với bậc Thánh, đây căn cứ theo đường khác, cũng nhiếp bốn loài, bốn loài bất đồng. Hai, biến dị gọi là dị, đây chuyển biến là tà kiến v.v... Bậc thánh đều đồng có chánh kiến, đây căn cứ theo kiến dị, đây cũng nhiếp cảnh, duyên cảnh có khác nhau. Sinh nghĩa là sinh khởi sinh loại, tức là thú kiến loại, biệt dị, sinh khởi. Tánh là thể tánh, do tánh này khiến cho thú, kiến dị, trên lìa giải thích khác với sinh loại của bậc Thánh, gọi là dị sinh. Sinh là chung, dị là riêng. Tánh của dị sinh gọi là Dị sinh tánh, đều là Y chủ thích. Lại luận Tát-bà-đa quyển 45, nội dung đồng với thuyết này, nên Tôn giả Thế Hữu nói: “Có thể khiến cho hữu tình khởi Dị loại kiến, Dị loại phiền não, tạo ra Dị loại nghiệp thọ Dị loại quả, Dị loại sinh, gọi là Dị sinh”.

Hai là nêu ra thể: trước nêu dị thuyết, sau nêu Đại thừa là Độc tử bộ thuyết, cõi dục Kiến đạo, sở đoạn, mười phiền não lấy làm thể tánh. Nhất thiết hữu bộ riêng có thể tánh, chỉ là Vô ký, thông với ba cõi trời buộc bất tương ứng, Kinh bộ không lập có thể tánh riêng, nhưng đối với từng chưa sinh về Thánh pháp, tương tục phần vị lai biệt, giả lập gọi là Dị sinh tánh, Đại thừa tuy cũng còn bất tương ứng, chẳng khác với sắc tâm, có thể tánh riêng, nhưng đối với kiến đoạn chủng tử của hai chương, trên chưa vĩnh viễn đoạn vị, giả lập Dị sinh tánh, không phải là chỉ theo có thể chứng được tự thừa đã có pháp Thánh, không sinh hiện hành vị, lập ra Dị sinh tánh. Người không chủng tánh không phải chứng khác, chỉ căn cứ theo chưa đoạn kiến hoặc chủng tử lập ra, do chẳng thành tựu Thánh pháp, hoặc dụng hoặc thể đều gọi là chẳng thành. Người có chủng tánh, không thành tựu công dụng, không chủng tánh cũng không thành tựu thể. Nên luận Du-già quyển 52 ghi: “Ba cõi kiến sở đoạn chủng tử, tuy chưa vĩnh viễn hoại lượng gọi là Dị sinh tánh”, tức là thông với chủng tử của hai chương trên giả lập. Luận này cũng nói: Đối với ba cõi kiến, sở đoạn chủng tử, chưa vĩnh viễn hại vị, giả lập chưa được gọi là Dị sinh tánh, cũng không được nói mỗi mỗi chương được tự Thánh chủng tử hiện hành, nhưng nói rằng đối với các pháp Thánh, chưa được thành tựu. Sai biệt là năm Thừa sai biệt có hai: trước lập ra sai biệt, sau hỏi đáp phân biệt. Vả lại quyết định Đại thừa, đây đủ nương theo hai chương, chưa được vĩnh viễn đoạn, vị phân biệt chủng tử, lập ra Đại thừa Dị sinh tánh. Nếu sở tri chương rốt ráo không thể hại, chẳng phải phiền não, nương theo phiền não này, một phần lập làm định tánh, Dị sinh tánh của Thanh văn, một phần lập làm định tánh, Dị sinh tánh của Độc giác, vì thích quán bốn Đế mười hai Nhân duyên, ngộ chứng, y đăi hai tánh khác nhau, nếu đều không thể đoạn, nương

theo đây lập làm vô tánh, Nhị thừa Dị sinh tánh.

Bất định là nếu có đủ đời quán đế, duyên khởi, được xuất thế là nương theo tất cả phân biệt phiền não, lập làm bất định, Nhị thừa Dị sinh tánh. Nếu có quán đời bốn Đế, sáu Độ được xuất thế, nương theo đây lập làm bất định Thanh văn Dị sinh tánh.

Nếu có quán đời duyên khởi, sáu Độ, được xuất thế, nương theo đây lập làm bất định Duyên giác Dị sinh tánh. Nếu đủ quán đời có thượng trung hạ Vô lậu căn tánh, lập làm bất định Thanh văn, Duyên giác Dị sinh tánh, vì kinh Lăng-già nói năm loại Thừa, tánh nhập vào pháp, luận Du-già lại nói lập làm Bất bát Niết-bàn tánh, Thanh văn tánh v.v... tương ngược lập nên có sai biệt này.

Chuẩn theo nghĩa này làm bốn câu khác nhau:

1. Chỉ có Dị sinh tánh, không thành tựu Thánh tánh, nghĩa là người vô tánh.
2. Chỉ thành tựu Thánh tánh, cũng thành tựu Dị sinh tánh, Đại thừa Kiến đạo trở đi.
3. Cũng thành tựu Thánh tánh, cũng thành tựu Dị sinh tánh, căn cứ theo ba Thừa Kiến đạo trước.
4. Chủng tử của Vô lậu, cũng thành tựu Thánh tánh, chưa khởi hiện hành gọi là chẳng thành.

Không phải căn cứ theo chủng tử nói, hoặc chỉ nương theo đó, hay sinh ra dụng của hiện hành lập làm Thánh tánh, vì ngược nhau. Nếu không như vậy chỉ có chủng tử Dị sinh thành tựu Thánh. Nếu chỉ hiện hành nói, Thánh là Vô lậu, lúc không khởi hiện hành lẽ ra chẳng phải dị sinh, cũng chẳng phải Thánh. Nếu nương theo thuyết này, định tánh của ba Thừa Kiến đạo trở về trước cũng chỉ là câu thành tựu Dị sinh tánh. Hàng Nhị thừa đắc Thánh và hồi hướng đến Đại thừa chưa nhập vào Sơ địa gọi là cũng thành tựu dị sinh, cũng thành tựu Thánh tánh. Hàng Nhị thừa vô dư là câu câu phi.

Trong phần hỏi đáp biện rõ, hỏi: Định tánh Đại thừa và Bất định tánh hay hướng đến Đại thừa, nương theo chủng tử của hai chương lập ra Dị sinh tánh, định tánh Nhị thừa là nương theo hai chương chẳng?

Đáp: Có hai giải thích.

Một, chỉ nương theo chủng tử của phiền não lập, vì nó không đoạn và không chướng.

Hỏi: Nếu không phải chướng đoạn, tức là không nương theo lập, người của vô tánh hai chương không đoạn, không chướng ngại thừa kia, nên không phải nương lập?

Đáp: Vì cực trọng chướng.

Hỏi: Nếu như vậy hàng Nhị thừa, người của định tánh, không được hưởng đến Đại thừa, sở tri chướng kia cũng gọi là cực trọng chăng? Nếu gọi cực trọng lẽ ra nương theo lập, nếu không gọi trọng do không chướng ngại quả tự thừa kia, vô tánh cũng như vậy?

Đáp: Định tánh có thể đắc Thánh, tuy có sở tri không gọi là trọng, vô tánh không đắc Thánh nên hai chướng gọi là trọng.

Hỏi: Phiền não có thể đoạn được tự thừa, phiền não không gọi là trọng, sở tri chẳng phải đoạn không được Đại thừa, chướng của sở tri cũng gọi là trọng, nếu do sở tri không chướng Tiểu thừa, hai chướng không chướng phạm phu chăng?

Đáp: Chỉ có Thánh pháp, gọi là Thánh tánh, định chướng sở tri không chướng khinh. Vô tánh rất ráo không phải Thánh pháp, hai chướng kia gọi là trọng.

Hỏi: Nếu mong tất cả Thánh pháp gọi là Thánh tánh, do không chướng nên được gọi là khinh, lẽ ra tất cả chướng pháp gọi là Dị sinh, tùy theo đắc được Thánh tánh, lẽ ra đều xả?

Đáp: Hai trí đều có thể chướng lý, chỉ có Thánh pháp gọi là Thánh tánh, sở tri định tánh lúc không đoạn, không chướng Thánh pháp, chẳng phải Dị sinh, nếu nương theo đó lập được Thánh thừa nhận đoạn, tức là trái với các luận nói sở tri chướng chỉ Đại thừa riêng đoạn, nếu không thể đoạn, đã thừa nhận chướng còn, há đắc được Thánh tánh? Do đây nên biết, chỉ nương theo một lập ra, như sở tri chướng ở nơi thân của Nhị thừa, không gọi là chướng, không ngăn ngại quả kia gọi là Vô phú.

Hỏi: Nếu như vậy vô tánh đã có hai chướng ngại, cũng không chướng ngại kia, nên không gọi là nhiễm?

Đáp: Trời người đồng dị sinh, không chướng ngại có thể không nhiễm, đối với Thánh gọi là dị sinh, không đắc nên gọi là nhiễm. Lại giải thích không chướng ngại nhân, phạm phu. Vì cảm được sinh nên gọi là nhiễm, sở tri không chướng ngại Tiểu thừa, không chiêu lấy Sinh không nhiễm. Lại giải thích định tánh Nhị thừa cũng nương theo hai chướng lập ra Dị sinh tánh, vẫn không lựa ra, hay chướng ngại Đại thừa, nhất định không đắc, như vô tánh chướng, nhất định không được Thánh, nương theo hai chướng lập.

Hỏi: Nếu như vậy Nhị thừa đoạn được sở tri Dị sinh tánh này chăng?

Đáp: Có hai giải thích:

Một là cũng đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy lẽ ra đoạn được sở tri chướng?

Đáp: Thừa nhận cũng không lỗi.

Hỏi: Như đoạn được định chướng, đây cũng không như vậy, định chướng trừ hiện hành không đoạn được chủng tử, vì đây nương theo chủng tử?

Đáp: Tuy nương theo chủng tử lập ra, không phải nhận lấy chủng tử, nương tựa chủng tử giả lập. Nói không đoạn được sở tri, căn cứ theo thể của chủng tử mà nói, nói đoạn được Di sinh tánh là căn cứ theo giả công năng, giả thật đã khác nhau, nên không phải ngược nhau. Nếu nương theo giả thích này, bất định Nhị thừa chỉ cũng gọi là Thánh. Vì Di sinh tánh được Thánh xả.

Hai là không đoạn mong tự thừa mà nói, tên đắc được Thánh tánh, sở tri chưa đoạn được kia tánh vẫn còn, nếu như vậy lẽ ra nên gọi vừa phạm vừa Thừa, thừa nhận cũng lỗi gì? Có lỗi tạp loạn.

Đáp: Nếu lấy Thánh tánh làm Di sinh tánh, có thể có tạp loạn.

Hỏi: Hai tánh khác nhau làm sao thành tạp loạn, hai tánh tuy chẳng tạp loạn, phạm thánh là tạp loạn chăng?

Đáp: Mong nghĩa có khác nhau, cũng không phải là lỗi, như Bất định tánh Nhị thừa Thánh, chưa đạt đến Sơ địa, cũng là tên khác Tiểu thừa, nên giải thích sau là chính.

Hỏi: Vì sao không đồng nương theo Câu sinh chướng lập?

Đáp: Căn cứ theo toàn năng chướng kiến, tu, Vô lậu, Câu sinh lập toàn năng chướng ngại hai Vô lậu, nên không phải nương lập. Luận Du-già quyển 56 ghi: “Nương theo chưa sinh khởi phần vị của tất cả pháp Thánh xuất thế, kiến lập Di sinh tánh”. Luận này cũng nói chủng tử kiến sở đoạn chưa vĩnh viễn hại vị, giả lập chẳng phải đắc gọi là Di sinh tánh.

Hỏi: Nương chủng tử kiến đoạn lập Di sinh tánh làm gì? Tổng nương ba cõi chủng tử kiến đoạn lập làm gì?

Đáp: Có hai giải thích:

Một là chỉ chấp lấy hiện hành của Thức thứ tám, đồng địa chủng tử của kiến đoạn lập, không nương theo tất cả chủng tử của phân biệt lập. Nếu không như vậy một cõi thành ba cõi, lẽ ra gọi là Di sinh ba cõi. Nếu nhận lấy chủng tử hiện hành sinh, tức là đã đắc được định trên, khởi hoặc của địa trên, cũng gọi là dị sinh.

Hai là đồng nương theo ba cõi, chủng tánh của kiến sở đoạn, vẫn không lựa ra, đồng là dị sinh, nên không phải tạp loạn, không đồng với thể tánh của dị, thú, sinh v.v... dị, thú, sinh v.v... hiển bày giới, thú khác

nhau, đây khác với bậc Thánh nên không phải tạp loạn, giải thích trước là chính. Luận Du-già quyển 56 ghi: “Ba cõi Dị sinh tánh, tánh thuộc vô sinh, sinh đã khác giới, nên sinh cũng khác”.

Hỏi: Do bậc Thánh hưởng đến phàm phu, Vô lậu đều là Thánh tánh, do phàm phu hưởng đến bậc Thánh, Hữu lậu đều là dị tánh chẳng?

Đáp: Hữu lậu bậc Thánh vẫn khởi, nhưng lậu chẳng phải Dị sinh, Vô lậu chuẩn theo phàm phu đều không có, nên gọi chung là Thánh tánh.

Hai là đối với Tiểu thừa nói sẽ sai biệt, vả lại đối với Hữu bộ có sáu môn sai biệt:

1. Y xứ sai biệt, Hữu bộ chỉ nương theo Chúng đồng phần và cùng với mạng căn, Đại thừa tức là nương theo chủng tử của hai chương lập ra.

2. Giả thật sai biệt, có thể biết.

3. Xả vị sai biệt, Hữu bộ có ba thuyết: một là Thế đệ nhất pháp xả; hai là khổ pháp trí nhãn sinh tướng thời xả, tức là lúc kia diệt, đoạn được phiền não; ba là hai chủng tử cùng xả, như đoạn được phiền não, Vô gián, Giải thoát, hai đạo đoạn được hoặc. Nếu Luận sư của Đại thừa chân kiến vô gián, lúc khởi chánh diệt, tức là khổ pháp trí nhãn có tướng Kiến đạo, giả nói là xả, thật chân Kiến đạo, nương theo chủng tử của chương lập ra.

4. Năng đắc sai biệt, Hữu bộ chỉ lập ra đắc, đắc được phi đắc, vì Dị sinh tánh là phi đắc, riêng có đắc đắc. Đại thừa tức là tánh của dị sinh này mong Thánh tánh gọi là phi đắc, căn cứ theo Dị sinh tánh tức gọi là đắc, như ba thành tựu không khác với ba biệt lập thành tựu.

5. Tánh sai biệt, Hữu bộ chỉ là Vô phú vô ký, Đại thừa thông cả ba, bất thiện hữu phú và do Vô lậu, vì định tánh Nhị thừa sở tri mong kia là Vô phú, thông với ba cõi, vì nương hai chương.

6. Phi đắc sai biệt, Hữu bộ phi đắc mong tất cả Thánh pháp. Luận Câu-xá quyển 4 ghi: “Không phải được Thánh pháp làm sao được gọi là Dị sinh tánh”, nghĩa là không phải được tất cả không phải nói riêng, đây không được nói lìa mà được. Nếu khác đây chư Phật Thế Tôn cũng không thành tựu Thanh văn, Duyên giác. Chủng tánh Thánh pháp, nên gọi là dị sinh. Nếu như vậy luận kia sẽ nói thuận, không cần phải nói. Trong một câu này bao hàm nghĩa thuận, như nói loại này thực thủy thực phong, lại được Thánh pháp rồi càng không hồi tâm làm ra thừa khác, nên mong tất cả. Đại thừa không như vậy, trông mong không thể

được nói trí hai Không, không có Thanh văn v.v... tuy gọi là Thánh trông mong hồi hướng Đại thừa chưa nhập Kiến đạo cũng gọi là dị sinh. Vì chưa đắc được pháp Không, sở tri vẫn còn, cho đến Sơ địa. Lại nói rằng đắc được Thánh tánh, lại Hữu bộ kia Tam thừa chỉ đoạn được phiền não chướng, nếu sở tri chướng Tiểu thừa không đoạn, đã nương theo chướng lập, lúc nhập vào Sơ địa đoạn được hai phân biệt. Tuy không được thành tựu Thánh tánh của Nhị thừa, nhưng gọi là dị sinh, vì đã đoạn được hai chướng, chứng được trí hai Không, chỉ lược nói như vậy.

Trong pháp Đồng phần, nêu ngoại đạo chống chế rằng: Pháp bên ngoài chẳng phải thú sinh, nên không lập ra Đồng phần. Lẽ ra vặn hỏi rằng, thú là theo thú hướng đến nghĩa, pháp bên ngoài có thể chẳng phải thú, không do thú hướng đến, giải thích Đồng phần, vì sao được lấy thú để ví dụ Đồng phần? Thú là thú hướng đến nghĩa, pháp bên ngoài không phải Đồng phần, Đồng phần tương tự nghĩa pháp bên ngoài tương tự lập ra Đồng phần. Lại vặn hỏi, ông vốn nói pháp bên trong là thú sinh, hữu tình lập ra Đồng phần, pháp bên ngoài chẳng phải tình thú, pháp bên ngoài không phải Đồng phần. Ông vốn do có đồng trí, pháp bên trong có Đồng phần, pháp bên ngoài có đồng trí, làm sao được không phải đồng phần, làm sao chống chế rằng pháp bên ngoài chẳng phải thú sinh, nên không lập đồng phần? Trên đây vặn hỏi xưa, dưới vặn hỏi sư Chánh Lý, còn lại chuyển vặn hỏi chống chế đều như Sơ thuật trong phần Thuật chánh.

Hỏi: Đồng phần của Đại thừa nương theo phi tình bên ngoài lập chẳng?

Đáp: Căn cứ theo tương tự nghĩa, giả lập Đồng phần, thông với trong ngoài, mười môn phân biệt như Xu Yếu nói.

Hỏi: Nếu thông với tất cả, lập ra Đồng phần. Vì sao được dẫn kinh nói rằng trời này đồng phần, người này đồng phần, không nói cõi khác?

Đáp: Kinh căn cứ theo hiển thù thắng, nói hữu tình đã căn cứ theo tương tự, giả thiết lập thông với bên ngoài, lập có lỗi gì? Chuẩn theo đây đã phá được cái khác ngược với kia nên bên ngoài giả lập.

Luận: Lại nếu mạng căn dị thức thật có nên như thọ v.v... chẳng thật mạng căn. Tỷ lượng như vẫn.

Hỏi: Đã cho khác thức là nhân, vặn hỏi chẳng phải thật mạng căn, họ do không lìa nhân của thức, vặn hỏi chẳng phải mạng căn vì sao lý vặn hỏi có thể khiến trừ?

Đáp: Mạng căn của Đại thừa chẳng phải như gọi định, dù cho sắp

sinh v.v... vặn hỏi chẳng phải giả mạng căn, cũng là lỗi tương phù. Vì Đại thừa lập chỉ giả danh tự có công năng này. Lại có giải thích rằng: Cùng với họ làm ra lỗi trái giáo, nói trụ nơi diệt định v.v... thọ không lìa thức, cũng không thành vặn hỏi, họ cũng thừa nhận thọ không lìa thức. Do văn của luận này chỉ nói rằng: Khác với thức thật có nên chẳng phải mạng căn.

Tây Minh nói: Họ nếu vặn hỏi Đại thừa rằng: Luận chủ đã nói thọ v.v... sẽ chẳng phải thật thọ v.v... vì lìa thức thật có, như tướng v.v... Giải thích rằng: Bên ngoài lỗi trái với giáo, họ thừa nhận thọ v.v... là thật có. Nếu không như vậy do lìa thức thật có, nên nhân cả hai đều chẳng thành lỗi. Tiểu thừa Đại thừa đồng thừa nhận thọ v.v... không lìa thức, dù không có lỗi năng lập. Trên tuy nói lẽ ra so sánh lìa thức không khác mạng căn là thiết lập để ngăn phá, chẳng phải họ đã thừa nhận mạng căn lìa sắc, tâm có thật tự thể, họ chỉ nói khác với sắc tâm có thể, không nói lìa.

Tây Minh nói: Luận Tát-bà-đa lượng rằng: Mạng căn thật có, vì hay giữ gìn thân, như nghiệp, nếu không như vậy nhân này có lỗi tha tùy một bất thành. Vì Sư của Đại thừa không thừa nhận mạng căn hay giữ gìn thân. Nếu thừa nhận giữ gìn thân, dưới phá được Kinh bộ loại, giữ gìn, huân tập, giả không thể giữ gìn, có lỗi bất định.

Yếu Tập ghi: “Lẽ ra nói mạng căn lìa thức của ông không thể giữ gìn thân, tức là không có lỗi trái tông, mạng căn của Đại thừa thừa nhận giữ gìn thân, cùng thừa nhận Đồng phần không giữ gìn thân, cũng không như vậy, đồng với lỗi trước”. Các luận chỉ nói hay khiến cho tương tục trụ thời quyết định. Ở trong phần vị này, giả lập ra mạng căn, không nói hay giữ gìn, nếu có chỗ nói hay giữ gìn thức, do nghiệp dẫn chủng tử hay sinh ra hiện hành thức, tương tục không đoạn công năng sai biệt, hay kiến lập nghĩa giữ gìn. Giả gọi là mạng trì, chẳng phải là nhiếp thọ trì của chấp trì, cũng không phải là chấp lấy chánh năng sinh dụng. Sau phá giả trì, căn cứ theo nhiếp thọ chấp trì, nay họ nói rằng mạng căn hay giữ gìn thân tức là nghĩa của nhiếp trì nên làm ra phá trước.

Luận: Như bốn chánh đoạn nghĩa riêng nói ba, bốn chánh đoạn theo nghĩa nói bốn thể là tinh tấn, mạng căn v.v... tuy có ba theo nghĩa sai biệt thể là một thức.

Ngoại đạo vặn hỏi: Thọ v.v... theo nghĩa mà nói, một thể chia ra ba uẩn, chánh đoạn căn cứ theo nghĩa phần, một tinh tấn thông với nhiều uẩn?

Đáp: Mạng căn theo nghĩa có riêng thù thắng riêng, nên phân làm

ba xứ, chánh đoạn theo nghĩa phần không có thù thắng riêng biệt, nên thuộc về một xứ, lại tuy không phải hoàn toàn tương tự, chấp lấy dụ của thiếu phần.

Luận rằng: Thức chuyển diệt kia chẳng phải A-lại-da.

Ngoại đạo vặn hỏi: Nhàm chán tâm nhập vào vô tâm chỉ có tế tâm, nhàm chán sắc nhập vào Vô sắc chỉ có tế sắc?

Đáp: Tế tâm chẳng phải đã nhàm chán, diệt định tâm không phải vô, định sắc chẳng phải đã nhàm chán.

Trong Vô sắc giới có vặn hỏi: Nhàm chán sắc nhập vào Vô sắc, chỉ có tế sắc, nhàm chán y nhập vào vô y, chỉ có nơi tế y?

Đáp: Có xả vô thường sắc đắc được thường sắc.

Vặn hỏi: Hàng Nhị thừa đều nhàm chán thô tâm, sắc nhập vào vô tâm, sắc đồng với Đại thừa có, Nhị thừa nhàm chán y nhập vào vô y, đồng với Phật chẳng phải không có?

Đáp: Bồ-tát nhàm chán thô không nhàm chán tế, có bi trí, có tế thân, Nhị thừa thô tế đều đã nhàm chán, không thương xót nhập vào tịch tĩnh, thân chẳng có.

Lại có hai giải thích, như Xu Yếu nói.

Phần thuật chánh luận về mạng căn, các giáo pháp của Đại thừa có sáu loại không đồng:

1. Chỉ nói chủng tử của Thức thứ tám, như luận này.
 2. Đồng nói hiện hành, luận Du-già Quyết trạch ghi: “Chủng tử hiện hành của tám căn nhất định thành”, mạng căn ở trong đó.
 3. Chỉ có sáu xứ bên trong, luận Hiển Dương quyển 1 ghi: “Mạng căn nghĩa là nghiệp trước đã dẫn Dị thực, sáu xứ trụ thời quyết định tánh”.
 4. Thông với năm uẩn, Tập luận quyển 1 ghi: “Những gì là mạng căn? Nghĩa là ở trong Chúng đồng phần, nghiệp dẫn quyết định”. Luận Tập Tập giải thích: Đồng phần là ở trong một đời, các uẩn tương tục v.v...
 5. Là nương theo tướng chung mà nói, luận Du-già quyển 52 ghi: “Thế nào là mạng căn? Đối với xứ kia được sinh ra tự thể, đã có trụ thời, hạn lượng, thế lực, phần vị nên gọi là thọ.
 6. Nương theo Dị thực mà nói, quyển 56 ghi: “Đối với nghiệp sở dẫn lúc Dị thực trụ, quyết định vị kiến lập mạng căn”. Kết hợp với văn của luận Hiển Dương, như trong Sở giải thích.
- Quyết trạch tám căn như Xu Yếu tổng hợp từ các văn khác không trái với ba giải thích trước. Nhưng văn của luận Hiển Dương lại có giải

thích rằng: Tuy Tướng phần, Kiến phần khác nhau, nhưng không lìa thức, thức này tướng phần chung gọi là thức này. Lại nói rằng: Ý kia căn năng trì, năm căn sở trì, năng sở riêng nói rằng sáu xứ. Luận này năng, sở hợp nói gọi là chủng tử của thức này, cũng không trái nhau. Tuy có các giải thích, Sở đoạn chỉ chấp lấy chủng tử của thức kiến phần, gọi là mạng căn, không chấp lấy tướng phần, giải thích này là chính.

Giải thích lúc ứng với Vô sắc cho đến đây vì sao như vậy? Sở tự xưa đã không luận, cho đến nói rằng: Ngã nghĩa tâm pháp thông với năng yếm, tức là nói tâm pháp, gọi là Vô sắc, sắc pháp chỉ sở yếm, nên nói chủng tử của tâm gọi là vô tâm. Ở đây đáp thêm rằng: Tâm pháp thông với năng yếm, nói chủng tử của tâm gọi là vô tâm, sắc pháp chỉ sở yếm, tức là nói tâm pháp, gọi là Vô sắc, tức là tâm pháp thông với năng yếm. Chỉ có chủng tử của tâm gọi là vô tâm, sắc pháp chỉ sở yếm, chỉ có tâm pháp gọi là Vô sắc. Đây lại lần lượt thuật ra trọng, hiển bày văn trước, càng giải thích thêm, nhằm chán sắc nhập vào Vô sắc, tâm làm năng yếm gọi là Vô sắc. Nhằm chán tâm nhập vào vô tâm, chủng tử của năng yếm tâm gọi là vô tâm. Ông đã nhằm chán tâm nhập vào vô tâm, không ở nơi năng yếm, gọi là vô tâm. Chỉ lập ra phi sắc phi tâm gọi là vô tâm. Nhằm chán sắc nhập vào Vô sắc, không ở nơi năng yếm lập ra Vô sắc, chỉ có phi sắc phi tâm, gọi là Vô sắc. Nhằm chán sắc nhập vào Vô sắc tức là ở nơi tâm của năng yếm gọi là Vô sắc, nhằm chán tâm nhập vào vô tâm tức là ở nơi chủng tử tâm của năng yếm gọi là vô tâm.

Luận: Lúc tâm nhỏ nhiệm huân tập Thức Dị thực, thành tự chủng tử của yếm tâm. Vì sao không ngay ở địa vị này lập ra vô tâm định, đợi sát-na sau mới gọi là vô tâm định, trước, sau v.v...?

Tây Minh nói: Tam tạng Chân Đế chỉ nói nương theo chủng tử lập, tức không lìa vấn nạn trước. Nay nói hai định nương theo chủng tử giả lập, nên tuy thành chủng tử mà duyên chưa đầy đủ, không lập ra hai định, phải đợi tâm diệt mới lập ra hai định. Như luật nghi vô biểu lúc đầu thành tự chủng tử, duyên chưa đầy đủ nên không thành tự vô biểu. Nay cho rằng Chân đế giải thích cũng không khó, vô tâm nương theo chủng tử, ban đầu có hay huân tập, chưa phải là vô tâm, nên nói rằng nương theo chủng tử, vốn là nhằm chán tâm, có tâm chưa lập, địa vị sau mới lập.

Luận: Vô tướng định trước cầu vô tướng quả, nên đã huân tập thành chủng tử, chiếu lấy Thức Dị thực kia. Sở có hai giải thích: Tự đoạn được chính trước, tuy vô tướng Dị thực giả chẳng phải thật cảm,

nhưng là cầu được quả kia, tu được Vô tướng định. Nếu lúc hữu tâm là hay cảm lấy quả của Vô tướng kia, tu được hữu tâm định, vì sao giả vô tâm? Vì vô tâm định trước tâm nhỏ nhiệm đã huân tập thành vọng tướng, ngăn ngừa tâm không khởi, mới gọi là Vô tâm định, tức là nói giả pháp hay ngăn ngừa thật tâm, lúc sau được quả tuy là giả, nhưng do nhằm chán tâm sức của công năng, tướng v.v... không khởi, giả nói là cảm đối với lý trái gì? Nếu đều thật chủng tử làm ra năng cảm nên đồng với Thức thứ tám, không gọi là vô tâm. Lại nữa luận này chỉ nói nên được huân tập thành chủng tử, chiêu lấy thức Dị thực kia, nương theo nó thô động tướng v.v... không phải hành giả lập Vô tướng, không nói thành chủng tử, chiêu lấy Vô tướng kia. Lại nữa là giả, vì sao chủng tử chiêu cảm được?

Hỏi: Lúc được quả, chủng tử của tâm nhỏ nhiệm tức là từ lâu đã diệt, nhưng có chủng tử tương tục của vô tâm, không phải chủng tử của hai loại, làm sao có thể nói hữu tâm cảm được hữu tâm?

Đáp: Tuy không phải chủng tử riêng, tức là tâm cuối cùng và chủng tử đồng thời tu, có hay cảm được sức của Dị thực chung kia, vì chưa thuần thực, quả không được khởi, sau khi thuần thực sinh quả thì sẽ hiện hành thành tựu chủng tử, lúc mong đắc quả, nói hữu tâm cảm, nên cũng không trái.

Tây Minh nói: Chuẩn theo biết đây nhờ vào gia hạnh thì chủng tử nhỏ, và nhỏ nhiệm đều cảm được quả chung, hữu tâm Dị thực chính là địa vị vô tâm, căn bản thật chủng tử, chiêu lấy quả riêng của vô tâm, định lực của vô tâm ngăn ngại tâm không sinh, lý quyết định như vậy, không phải lao nhọc mới chiêu cảm.

Đây tuy giải thích khác, căn cứ theo thời có thể cảm, không vượt ngoài giải thích của Số, nhưng lại có lỗi, vì sao tự thừa nhận cõi trời kia chẳng phải quả sở sinh, giả không phải thể riêng? Không nên nói làm chủng tử thật cảm, nếu thừa nhận thật cảm, vì sao nói định lực của vô tâm ngăn ngại tâm không sinh, lý quyết định như vậy, đâu cần mệt nhọc giải thích.

Yếu Tập ghi: Có thuyết nêu hai giải thích, giải thích sau nói trái với quyển 56. Số tự phán phân giải thích sau chẳng đúng, vì sao dẫn lại rườm rà? Nhưng nói rằng chư Thiên kia tổng báo Thức thứ tám, và sau sinh đắc tâm v.v... nhất định làm chủng tử của hữu tâm nhỏ nhiệm chiêu cảm. Nếu không phải hiện hành tư, chủng tử không thể chọn lấy quả, giả Dị thực vô tướng biệt báo kia tức là tùy theo sở y, đồng thời nói cảm, không phải chia ra chiết phục hữu tâm, vô tâm. Chủng tử của hai vị, chỉ

cảm lấy hai quả, đã đồng thời cảm được, vì sao một hữu tâm một vô tâm lại cùng thời cảm được? Tức là lẽ ra vô tâm cùng với Dị thực chung, cùng thời mà đắc, vì sao có trước sau? Nếu nói rằng ai nói có trước sau, tức là trái với luận nói tâm, tâm sở diệt, đã nói tâm tâm sở diệt, rõ ràng biết ban đầu khởi hiện hành. Cũng không thể nói rằng, luận Du-già 56 đã nói khởi, nghĩa là hay dẫn dắt tư của phát Vô tướng định, hay cảm được quả Dị thực kia, nói rõ là đồng thời không phải lại phân biệt hai quả chung riêng, đây cũng không như vậy. Nếu chấp thẳng vào luận nói, cũng lẽ ra chỉ hiện hành tư, không được thông với chủng tử. Sau nói, nghĩa là hay dẫn dắt tư của phát Vô tướng định, hay dẫn dắt tức là hiện hành tư, lại không nói chủng tử. Nếu nói do nghĩa thông với chủng tử, cũng do nghĩa lấy lời cảm được tổng báo, nương theo tổng báo này, sáu thức không hiện hành, giả lập ra vô tướng. Cho nên luận này nói: Nên chủng tử đã huân tập thành, chiêu lấy thức Dị thực kia nương tựa nó thô động tướng v.v... không hành, giả lập ra vô tướng.

Luận: Vô tướng định trước đến chiêu lấy thức Dị thực kia, nói rõ sở y, nương theo thô động dẫn đến giả lập vô tướng, nói rõ năng y.

Hỏi: Vô tướng Dị thực diệt, bao nhiêu thức được lập ra?

Đáp: Diệt được một thức lập ra, vì hai thức tử, thiết chỉ ở cõi Dục, ba thức nhãn, nhĩ, thân chỉ ở định ban đầu, ở định thứ tư, thô chỉ ở Thức thứ sáu, không thể khởi Địa dưới, Dị thực có ba thứ nhãn v.v... nên chỉ ở Thức thứ sáu.

Hỏi: Nêu ra Dị thực kia, tâm duyên theo Địa nào?

Đáp: Tùy theo Địa sở sinh lấy làm sở duyên, vì thuận sinh ái nhất định cùng với sở sinh, đồng một đạo, không nói Địa khác ái thẩm nhuần Địa khác sinh.

Hỏi: Vô tướng Dị thực tức là nương theo sở yếm để lập ra, hai định vì sao nương theo năng yếm lập ra?

Đáp: Dị thực là sở cầu, ở nơi sở cầu lập ra Dị thực, hai định cũng sở cầu tức là ở trên hai định lập ra hai định, nên không vạy hỏi lỗi.

